



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

— CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM —



2025
2026
NIÊN ĐỘ

1 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	06
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	13
Định hướng phát triển	14
Các rủi ro	16

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
Tổ chức và nhân sự	24
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	32
Tình hình tài chính	34
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	38
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	40

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	48
Tình hình tài chính	49
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	51
Kế hoạch phát triển trong tương lai	56
Giải trình của Ban điều hành với ý kiến của kiểm toán	58
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	58

4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	62
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	63
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	64

5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	68
Ban Kiểm soát	81
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	87

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	97
Báo cáo tài chính được kiểm toán	98

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	06
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	13
Định hướng phát triển	14
Các rủi ro	16





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM
Tên tiếng Anh	KON TUM SUGAR JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	KTS
Mã cổ phiếu	KTS
Địa chỉ trụ sở chính	Thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
Vốn điều lệ	50.700.000.000 đồng
Giấy chứng nhận ĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6100228104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 (đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15/07/2026 do Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi cấp).
Điện thoại	0260 6289 549
Fax	0260 3916 168
Website	www.ktsduongkontum.vn
Email	ctyduongkontum@yahoo.com.vn

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Quá trình hình thành và phát triển

➤ 1995

Ngày 10/07/1995, nhà máy Đường Kon Tum (tiền thân của công ty Mía đường Kon Tum), thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 109032 do Ủy ban kế hoạch Nhà nước tỉnh Kon Tum cấp.

➤ 2000

Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển giao về cho Công ty Đường Quảng Ngãi và trở thành Nhà máy Đường Kon Tum trực thuộc Công ty Đường Quảng Ngãi.

➤ 2006

Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Đường Kon Tum thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định 2945/ QĐ-BNN - ĐMDN ngày 11/10/2006 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT.

➤ 2008

Công ty Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 3803000111 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008.

➤ 2010

Chính thức niêm yết 3.000.000 cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTS.

➤ 2011

Niêm yết bổ sung 900.000 cổ phiếu trên HNX, tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 39 tỷ đồng.

➤ 2013

Niêm yết bổ sung tổng cộng 1.170.000 cổ phiếu cho các đợt tăng vốn tiếp theo trên HNX, vốn điều lệ tăng từ 39 tỷ đồng lên 50,7 tỷ đồng

➤ 2026

Niên độ ghi nhận sự tái cơ cấu toàn diện về bộ máy quản trị cấp cao tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (ông Trần Ngọc Hiếu được bầu làm Chủ tịch HĐQT, bà Đặng Thị Thu Hằng làm Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT).



Giải thưởng và chứng nhận của Công ty

- Sản phẩm đường RS của Công ty đã được Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trao giải thưởng “Sản Phẩm/Dịch Vụ Thương Hiệu Việt Hội Nhập WTO”.
- Sản phẩm của Công ty được Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn chứng nhận: “Hàng Nông Lâm Thủy Sản Việt Nam Chất Lượng Cao và Uy Tín Thương Mại”.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).
2	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: đầu tư, xây dựng khai thác các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, điện gió; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật (trừ Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế-xã hội) Chi tiết: Làm kênh mương nội đồng và giao thông vùng nguyên liệu mía
3	4722	Bán lẻ thực phẩm (trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
4	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
6	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, trong sản xuất đường. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Kinh doanh mật rỉ, bùn, tro, bã mía và các sản phẩm khác chưa phân vào đầu (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
7	7499	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: dịch vụ kỹ thuật mía đường
8	3513	Truyền tải và phân phối điện (trừ Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế-xã hội).
9	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).
10	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
11	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).
12	4101	Xây dựng nhà để ở

13	4102	Xây dựng nhà không để ở
14	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
15	1072 (Chính)	Sản xuất đường
16	0114	Trồng cây mía
17	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
18	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
19	0130	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
20	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
21	1105	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
22	2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
23	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
24	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện
25	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
26	4312	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)
27	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
28	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị
29	4311	Phá dỡ (trừ dịch vụ nổ mìn)
30	4321	Lắp đặt hệ thống điện
31	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
32	4632	Bán buôn thực phẩm (trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).
33	3311	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn
34	3512	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (trừ Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế-xã hội).

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum có mạng lưới phân phối lớn, phạm vi hầu hết các tỉnh thành trong nước.

Trong đó:

- Vùng nguyên liệu đầu tư thu mua tại tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Gia Lai.
- Thị trường đường, mặt tiêu thụ tại TP. HCM, các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên và một số tỉnh phía Bắc.
- Bã bùn và Phân bón được cung cấp cho nông dân trong vùng nguyên liệu.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum hoạt động theo mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

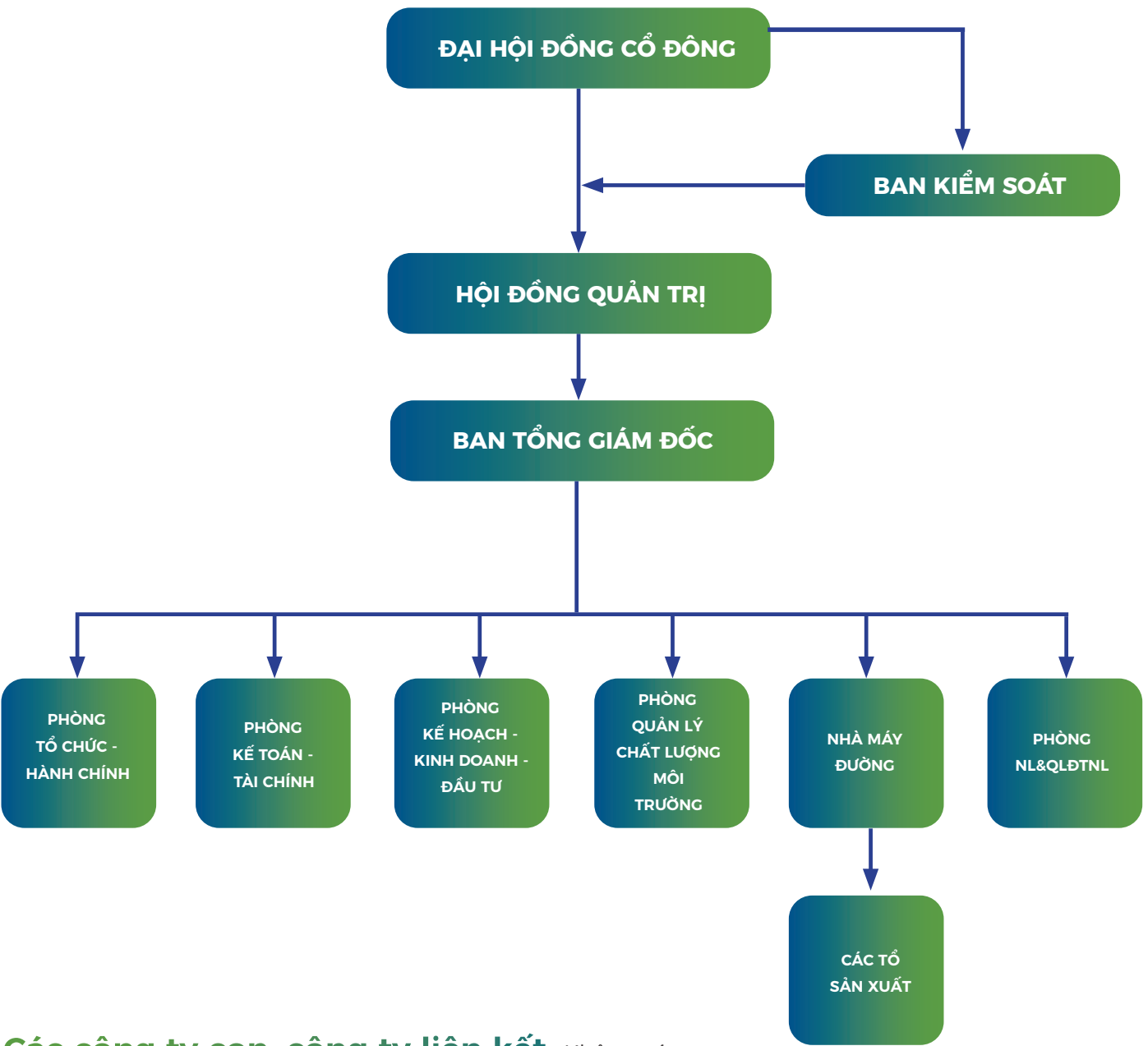
Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty.

Tổng Giám đốc: Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



1.

Đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất: Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên dụng, ứng dụng khoa học công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tối đa hóa lợi nhuận; đồng thời thực hiện sửa chữa, bảo trì, tu bổ máy móc, thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.
2.

Chủ động nguồn nguyên liệu, mở rộng vùng trồng: Xây dựng chính sách đầu tư, thu mua nguyên liệu hợp lý, đồng thời mở rộng vùng trồng nguyên liệu nhằm đảm bảo năng suất, chất lượng và tăng tính chủ động trong hoạt động sản xuất.
3.

Hoàn thiện chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả toàn diện: Tiếp tục đầu tư vào công nghệ, nâng cao hiệu quả tại từng khâu trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị trong các hoạt động từ quản lý vùng nguyên liệu, sản xuất, phân phối đến đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng.
4.

Linh hoạt theo thị trường, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh: Chủ động nắm bắt diễn biến thị trường, kịp thời điều chỉnh chính sách bán hàng và linh hoạt trong tổ chức sản xuất, qua đó nâng cao khả năng thích ứng và hiệu quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- »»»

Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên dụng, ứng dụng khoa học công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài ra, thực hiện công tác sửa chữa, tu bổ máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.
- »»»

Có chính sách đầu tư thu mua hợp lý, mở rộng vùng trồng nguyên liệu, đáp ứng yêu cầu về năng suất và tạo sự chủ động trong sản xuất.
- »»»

Tiếp tục đầu tư vào công nghệ, nâng cao hiệu quả từng khâu trong toàn bộ chuỗi cung ứng, hoàn thiện chuỗi giá trị trong tất cả các hoạt động quản lý từ đồng ruộng đến sản xuất, phân phối sản phẩm đến tay người tiêu dùng.
- »»»

Chủ động nắm bắt thị trường, điều chỉnh chính sách bán hàng cùng với sự linh hoạt trong sản xuất nhằm nâng cao mục tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Công ty xác định việc duy trì mối quan hệ hài hòa với các bên liên quan là nền tảng quan trọng cho hoạt động ổn định và phát triển bền vững. Trên cơ sở vai trò và mức độ ảnh hưởng, các bên liên quan chính gồm: Khách hàng; Cổ đông/Nhà đầu tư; Người lao động; Cơ quan quản lý Nhà nước; Môi trường; và Cộng đồng địa phương.

Công ty thường xuyên duy trì các kênh trao đổi, tham vấn nhằm ghi nhận nhu cầu và kỳ vọng của từng nhóm, qua đó làm cơ sở hoàn thiện hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển dài hạn. Việc tăng cường gắn kết với các bên liên quan góp phần giúp Công ty hài hòa mục tiêu kinh tế với trách nhiệm xã hội và môi trường.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

- Tiếp tục phát huy triết lý kinh doanh **“Sự hài lòng của Quý khách hàng là thành công của Công ty”**.
- Lấy lợi ích và sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm; duy trì cơ chế trao đổi, đối thoại thường xuyên, đồng thời cung cấp các sản phẩm có chất lượng, giá cả cạnh tranh và dịch vụ phù hợp nhằm xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài.

ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn hiệu quả, hướng đến tối ưu hóa lợi ích lâu dài của cổ đông.
- Duy trì trao đổi, giải đáp các ý kiến và thắc mắc của cổ đông, nhà đầu tư thông qua Đại hội đồng cổ đông và các kênh thông tin phù hợp.
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Tiếp tục cải tiến công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và kiểm soát phát thải, từng bước hướng đến mô hình sản xuất xanh, sạch và thân thiện với môi trường.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, tích cực tham gia các hoạt động an sinh, đóng góp vào sự phát triển ổn định và bền vững tại địa phương.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Chú trọng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; bảo đảm chế độ tiền lương, thưởng công bằng, minh bạch và thực hiện đầy đủ các chính sách bảo hiểm theo quy định.
- Tiếp tục phát triển đội ngũ nhân sự có tay nghề, kinh nghiệm; đồng thời đẩy mạnh tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực trẻ, có trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và phát triển lâu dài.

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường và các quy định chuyên ngành có liên quan.
- Chủ động cập nhật các quy định pháp luật mới để kịp thời điều chỉnh hoạt động, bảo đảm tính tuân thủ trong toàn Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế



Trong niên độ 2025 - 2026, hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành mía đường nói chung và Công ty Cổ phần Đường Kon Tum nói riêng tiếp tục phải đối mặt với áp lực vô cùng to lớn từ sự mất cân đối cung cầu và đà suy giảm của giá cả. Thị trường đường nội địa xuyên suốt trong năm luôn trong tình trạng nguồn cung lớn hơn cầu, kết hợp với sức ép nặng nề từ xu hướng lao dốc của giá đường trên thị trường thế giới. Tình trạng này khiến công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, kéo theo mặt bằng giá bán đường nội địa sụt giảm nghiêm trọng so với cùng kỳ của niên độ trước.

Bên cạnh áp lực từ thị trường quốc tế, môi trường kinh doanh trong nước cũng đặt ra nhiều thách thức khốc liệt do sự cạnh tranh không công bằng. Vấn nạn gian lận thương mại và đường nhập lậu vẫn diễn biến hết sức tinh vi, chưa được kiểm soát triệt để, tiếp tục tạo ra một sức ép đè nặng lên các doanh nghiệp sản xuất chân chính.

Không dừng lại ở đó, sự gia tăng mạnh mẽ của lượng đường lỏng siro ngô HFCS nhập khẩu với lợi thế giá rẻ đang dần chiếm lĩnh thị phần, tạo ra sự thay thế đe dọa trực tiếp đến đường mía truyền thống. Đặc biệt, một rủi ro vĩ mô mới tác động trực diện đến biên lợi nhuận trong niên độ này là sự thay đổi của chính sách thuế, khi thuế giá trị gia tăng (VAT) áp dụng cho mặt hàng đường chính thức tăng từ 5% lên 8% kể từ ngày 01/07/2025.

Sự cộng hưởng của hàng loạt yếu tố bất lợi đã bào mòn đáng kể biên lợi nhuận gộp, làm sụt giảm trực tiếp đến kết quả lợi nhuận của Công ty trong năm qua. Đứng trước bối cảnh kinh tế đầy rủi ro và biến động này, Ban lãnh đạo Công ty đã vạch ra và thực thi các chiến lược ứng phó linh hoạt, quyết liệt. Trong ngắn hạn, Công ty bám sát diễn biến thị trường để điều chỉnh chính sách bán hàng kịp thời nhằm giải phóng tồn kho, đồng thời áp dụng kỷ luật quản trị chi phí khắt khe để bảo vệ lợi nhuận. Về tầm nhìn dài hạn, doanh nghiệp tiếp tục kiên định với chiến lược đầu tư khảo nghiệm giống mía mới, nâng cấp dây chuyền thiết bị chế biến để tối ưu hóa hiệu quả thu hồi và nâng cao chất lượng đường thành phẩm, qua đó củng cố sức cạnh tranh cốt lõi trên thị trường.

Rủi ro pháp luật



Là một doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Công ty Cổ phần Đường Kon Tum luôn đặt việc tuân thủ pháp lý làm nền tảng cốt lõi trong mọi hoạt động quản trị và điều hành. Tuy nhiên, bước sang niên độ 2025 - 2026, Công ty phải đối mặt với những thách thức lớn từ sự chuyển mình của hệ thống pháp luật. Đáng chú ý nhất là việc Quốc hội và Chính phủ đã ban hành các nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng đối với Luật Doanh nghiệp (Luật số 76/2025/QH15) và Luật Chứng khoán (Luật số 56/2024/QH15). Những thay đổi mang tính nền tảng này đặt ra yêu cầu khắt khe hơn về tính minh bạch, nghĩa vụ công bố thông tin và tiêu chuẩn quản trị, buộc Công ty phải liên tục rà soát, cập nhật các quy chế nội bộ để đảm bảo đáp ứng chính xác và đầy đủ các quy định mới.

Bên cạnh những thay đổi từ khung pháp lý vĩ mô, rủi ro pháp luật trong năm 2026 còn gắn liền với chiến lược tái cơ cấu và mở rộng lĩnh vực kinh doanh của chính doanh nghiệp. Cụ thể, thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Giấy xác nhận của cơ quan quản lý vào tháng 07/2026, Công ty đã chính thức cập nhật 34 mã ngành nghề theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam mới (Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg). Đặc biệt, sự xuất hiện của các lĩnh vực kinh doanh có điều kiện như sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo và truyền tải, phân phối điện đòi hỏi Công ty phải am hiểu và tuân thủ hàng loạt quy định chuyên ngành phức tạp về giấy phép, quy hoạch năng lượng và an toàn sinh thái. Để tạo hành lang pháp lý vững chắc thích ứng với định hướng này, Chủ tịch HĐQT đã ký quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/07/2026.

Trước bối cảnh hành lang pháp lý có nhiều biến động đa chiều, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đưa ra các phương án nhận diện và kiểm soát rủi ro từ sớm. Việc liên tục cập nhật các văn bản hướng dẫn thi hành luật, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về an toàn lao động, môi trường và phòng cháy chữa cháy, cũng như rà soát kỹ lưỡng tính hợp pháp của các dự án mở rộng kinh doanh là ưu tiên hàng đầu. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng này chính là tấm khiên vững chắc giúp Công ty giảm thiểu tối đa các rủi ro pháp lý phát sinh, đảm bảo tiến trình hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra an toàn, xuyên suốt và bền vững.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về vùng nguyên liệu



Theo báo cáo của Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), ngành mía đường trong nước đang chứng kiến những bước chuyển mình mạnh mẽ về kỹ thuật canh tác nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Những cải tiến đồng bộ từ việc sử dụng giống mới kháng bệnh, đẩy mạnh cơ giới hóa, đến ứng dụng phân bón chuyên dùng và hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước đã giúp năng suất đường của Việt Nam vươn lên dẫn đầu khu vực Đông Nam Á. Cùng với đó, bản đồ mía đường quốc gia cũng ghi nhận sự dịch chuyển trọng tâm rõ rệt khi khu vực Miền Trung – Tây Nguyên vươn lên trở thành thủ phủ sản xuất lớn nhất, chiếm tới 61% tổng sản lượng cả nước nhờ lợi thế vượt trội về điều kiện tự nhiên và quy mô vùng nguyên liệu.

Nắm bắt lợi thế của vùng trọng điểm kinh tế này và thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp của địa phương, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum đã chủ động rà soát và triển khai hàng loạt giải pháp nhằm

mở rộng vùng nguyên liệu một cách bền vững. Nhờ những nỗ lực không ngừng, diện tích vùng nguyên liệu của Công ty liên tục được gia tăng qua các năm. Bước sang vụ thu hoạch 2025 - 2026, tổng diện tích đưa vào khai thác đã ghi nhận mức tăng trưởng 18% so với niên vụ trước, trong đó tập trung mở rộng mạnh mẽ tại các địa bàn chiến lược như Kon Plông, Sa Thầy, Đắk Hà và Đắk Tô.

Để duy trì sự gắn kết bền vững này, Công ty đã triển khai các chính sách đồng hành sát sao cùng người nông dân thông qua hợp đồng liên kết bao tiêu, hỗ trợ vốn đầu tư sản xuất và cam kết bảo hiểm giá thu mua nhằm đảm bảo người dân luôn có lãi. Hiệu quả của các chính sách được minh chứng rõ nét qua năng suất mía bình quân đạt 73 tấn/ha, đặc biệt tại nhiều khu vực có thổ nhưỡng tốt và tuân thủ đúng kỹ thuật canh tác, năng suất đã bứt phá lên mức 100 - 120 tấn/ha. Song song với việc phát triển vùng lõi tại địa phương, Công ty còn linh hoạt thu mua thêm mía từ các hộ dân tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai, qua đó vừa giải quyết bài toán đầu ra cho nông dân lân cận, vừa tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho nhà máy vận hành tối đa công suất.

Rủi ro khác



Bên cạnh những rủi ro trọng yếu về kinh tế, pháp lý và môi trường, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum còn phải đối diện với các rủi ro tiềm ẩn từ sự kiện bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh hay biến động địa chính trị toàn cầu.

Để hạn chế tối đa các tác động bất lợi từ những rủi ro này, Công ty đã thiết lập một hệ thống phòng ngừa chủ động và toàn diện ngay từ đầu niên độ. Doanh nghiệp luôn chú trọng duy trì việc mua bảo hiểm đầy đủ cho người lao động cũng như toàn bộ tài sản, nhà xưởng, tạo ra một tấm khiên tài chính vững chắc trước các sự cố ngoài ý muốn. Đồng thời, Ban điều hành liên tục xây dựng, đánh giá và rà soát các kịch bản ứng phó khẩn cấp được thiết kế linh hoạt cho từng tình huống xấu nhất, đảm bảo khả năng phản ứng nhanh nhạy, xử lý kịp thời nhằm giảm thiểu mọi thiệt hại và bảo vệ tối đa lợi ích của cổ đông trong mọi hoàn cảnh.

Rủi ro môi trường



Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng diễn biến phức tạp, rủi ro từ yếu tố thời tiết cực đoan tiếp tục là một trong những thách thức lớn nhất, tác động trực tiếp đến năng suất, chất lượng cây mía và nguồn cung nguyên liệu của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum. Đặc thù khu vực miền Trung và Tây Nguyên thường xuyên phải đối mặt với tình trạng lượng mưa thấp, dứt mưa sớm và khô hạn kéo dài, đan xen cùng những biến động khó lường từ chu kỳ El Nino và La Nina. Hậu quả từ những cơn bão lớn như bão số 3 (Yagi) cuối năm 2024 hay bão số 5 (Kajiki) trong năm 2025 vẫn là minh chứng rõ nét cho sức tàn phá của thiên tai đối với vùng canh tác, đòi hỏi doanh nghiệp phải luôn trong tâm thế chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó kịp thời.

Đứng trước những rủi ro tiềm ẩn từ tự nhiên, Công ty đã triển khai đồng bộ các biện pháp thực tiễn nhằm bảo vệ chuỗi cung ứng và sát cánh cùng người nông dân. Khi đối mặt với điều kiện thời tiết bất lợi,

Công ty luôn trong trạng thái sẵn sàng huy động tối đa nhân lực và phương tiện cơ giới để hỗ trợ bà con đẩy nhanh tiến độ thu hoạch, kịp thời vận chuyển nguyên liệu về nhà máy nhằm giảm thiểu tỷ lệ hao hụt. Đồng thời, doanh nghiệp cam kết duy trì chính sách thu mua minh bạch với mức giá tương đương thị trường, qua đó trực tiếp chia sẻ gánh nặng rủi ro, bảo vệ lợi ích kinh tế và giúp người trồng mía an tâm gắn bó lâu dài với cây mía.

Song song với các biện pháp thích ứng trên đồng ruộng, Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro môi trường ngay trong cốt lõi quy trình sản xuất chế biến. Hệ thống xử lý chất thải của nhà máy được vận hành và giám sát tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn pháp lý, đảm bảo xử lý an toàn các chất thải có nguy cơ gây hại và tuyệt đối không gây tác động xấu đến hệ sinh thái sinh hoạt của cộng đồng địa phương. Hướng tới mục tiêu sản xuất xanh và mô hình kinh tế tuần hoàn, phần lớn các phụ phẩm công nghiệp đều được Công ty phân loại và tái chế thành phân bón hữu cơ sinh học, giải pháp này không chỉ giải quyết triệt để bài toán môi trường mà còn cung cấp ngược lại cho vùng nguyên liệu, giúp nông dân tối ưu hóa chi phí và cải tạo độ màu mỡ cho đất canh tác.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
Tổ chức và nhân sự	24
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	32
Tình hình tài chính	34
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	38
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	40



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm



Công tác thu mua mía nguyên liệu:

- Tổng sản lượng mía thu mua vụ 2025-2026 đạt 111,74 % so với kế hoạch và tăng 27,4% so với vụ 2024-2025. Là do vụ này Công ty mua ngoài vùng thêm sản lượng.
- Công tác thu hoạch, vận chuyển cơ bản đáp ứng được công suất hoạt động của Nhà máy nhưng năm nay giá cà phê, hồ tiêu và nhân công thu hoạch tăng cao hơn những năm trước đã thu hút phần lớn lao động tại địa phương chuyển sang thu hoạch các loại cây trồng này dẫn đến thiếu hụt nghiêm trọng nhân công chặt mía. Vì vậy, tiến độ thu mua mía vụ này chậm hơn kế hoạch và thời gian kết thúc vụ kéo dài so với các năm trước.



Công tác đầu tư chăm sóc và phát triển diện tích trồng mới, trồng lại vụ 2025-2026 chuẩn bị cho vụ thu hoạch 2026-2027:

- Công ty luôn chú trọng phát triển vùng nguyên liệu bằng nhiều chính sách, giải pháp phù hợp và đồng bộ. Chính sách thu mua mía được đổi mới, điều chỉnh linh hoạt theo từng thời điểm và điều kiện thực tế.
- Ban điều hành tích cực tuyên truyền hướng dẫn chính sách đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu của Công ty đến bà con trồng mía và chính quyền địa phương các cấp, tích cực tìm kiếm diện tích đất trống để tăng thêm diện tích trồng mía, đặc biệt 3 năm gần đây Công ty phát triển thêm hình thức hợp tác liên kết với các doanh nghiệp khác để trồng mía, tăng nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất chế biến.
- Diện tích mía đầu tư trong vùng của Công ty trong những năm gần đây liên tục tăng, diện tích dự kiến chuẩn bị thu hoạch cho vụ 2026-2027 tăng so với vụ 2025-2026 là 9%.



Công tác thu hồi nợ đầu tư vùng nguyên liệu:

- Công tác thu hồi nợ vụ 2025-2026 không đạt theo kế hoạch, nợ phải thu thực hiện đạt 92,38%% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến một số hộ thu hồi nợ không đạt kế hoạch là do điều kiện thời tiết khí hậu tại vùng trồng mía nắng hạn vào đầu vụ, mưa tập trung thời gian dài lúc mía sinh trưởng nên cây mía không thể phát triển, năng suất thấp làm cho hộ trồng mía không đủ trả nợ cho Công ty. Nợ quá hạn của các vụ trước còn lại không đáng kể và đã được trích lập dự phòng theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

Kết quả kinh doanh:

Niên độ 2025-2026, ngành mía đường trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do tiêu thụ chậm, giá bán giảm, tồn kho tăng cao, áp lực cạnh tranh từ đường lậu, gian lận thương mại và đường lỏng HFCS. Giá đầu tăng cao kéo theo chi phí đầu vào tăng (vận chuyển, nguyên vật liệu...) làm tăng giá thành sản phẩm. Những yếu tố này đã tác động đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh đó HĐQT và BĐH đã chủ động, linh hoạt trong điều hành, kịp thời điều chỉnh giá thu mua mía và giá bán đường phù hợp với thị trường, góp phần duy trì ổn định sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do biên lợi nhuận thu hẹp, Công ty chưa hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2024 - 2025	Niên độ 2025 - 2026	% Thay đổi
1	Tổng giá trị tài sản	556.788	609.158	9,41%
2	Doanh thu thuần	341.003	580.152	70,13%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	36.815	8.738	- 76,27%
4	Lợi nhuận khác	- 1.991	- 2.772	39,23%
5	Lợi nhuận trước thuế	34.824	5.965	- 82,87%
6	Lợi nhuận sau thuế	34.096	5.570	- 83,66%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7,4	45,5	514,86%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	5%	5%	-

(*) Ghi chú: Đến thời điểm này Công ty chưa tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 nên số liệu chia cổ tức niên độ 2025-2026 lấy theo đề xuất của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ

Việc chi trả cổ tức bằng tiền niên độ 2024 - 2025:

Theo phương án phân phối lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ .

Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT/2026 ngày 26/02/2026 để chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức. Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 12/03/2026 được nhận cổ tức theo phương án nêu trên.

Việc chi trả cổ tức niên độ 2024-2025 đã được Công ty thực hiện hoàn tất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu Ban điều hành Công ty

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	500.000	9,86%
2	Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
3	Nguyễn Hữu Quảng (Miễn nhiệm 27/02/2026)	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Võ Thị Ái Thùy	Kế toán trưởng	0	0%

01

BÀ ĐẶNG THỊ THU HẰNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 14/04/1977

Trình độ: Cử nhân chuyên ngành Thương mại

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
- Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Trà Vinh
- Thành viên HĐQT, TGD CTCP Mía đường Tuy Hòa

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 500.000 cổ phiếu, chiếm 9,86% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Quá trình công tác:

10/2019 - Nay	Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum
03/2022 - Nay	Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
10/2019 - Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Trà Vinh
6/2022 - Nay	Thành viên HĐQT, TGD CTCP Mía đường Tuy Hòa

02

ÔNG NARAYANASAMY RAVICHANDRAN

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 22/12/1962

Trình độ: Chuyên gia Công nghệ Chế biến đường

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Quá trình công tác:

08/2023 - Nay Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu Ban điều hành Công ty

03

BÀ VÕ THỊ ÁI THÙY

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 20/05/1981

Trình độ: Cử nhân Kế toán

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Quá trình công tác:

2005 - 2010	Nhân viên kế toán Công ty TNHH sản xuất Giấy Nhám Merit Việt Nam; Công ty TNHH Korea Foam - Khu công nghiệp Việt Hương - Thuận An - Bình Dương
2011 - 2017	Nhân viên kế toán CTCP Đường Kon Tum
07/2017 - 2020	Trưởng phòng KHKD-ĐT CTCP Đường Kon Tum
04/2022 - 04/2023	Phụ trách công tác kế toán CTCP Đường Kon Tum
04/2023 - Nay	Kế toán trưởng CTCP Đường Kon Tum

Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm

Ông Nguyễn Hữu Quảng - Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm vào ngày 27/02/2026

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tại ngày 30/06/2026

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	224	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	30	13%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	34	15%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	117	53%
4	Lao động phổ thông	43	19%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	224	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	86	38%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	138	62%
III	Theo giới tính	224	100%
1	Nam	161	72%
2	Nữ	63	28%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

66 Bước sang niên độ 2025 - 2026, trong bối cảnh tái cơ cấu toàn diện bộ máy quản trị cấp cao và mở rộng quy mô hoạt động lên 34 mã ngành, bao gồm cả các lĩnh vực mới như năng lượng tái tạo, Công ty tiếp tục khẳng định triết lý: nguồn nhân lực chính là tài sản quý giá nhất và là động lực then chốt cho sự phát triển bền vững. Quy mô nhân sự đã ghi nhận sự gia tăng lên 224 người tính đến giữa niên độ, trong đó Công ty vẫn duy trì vững chắc tỷ lệ hơn 80% lực lượng lao động đạt trình độ chuyên môn từ sơ cấp đến đại học.

Đối mặt với những yêu cầu chuyên môn ngày càng cao từ việc chuyển đổi chiến lược, KTS nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc kiến tạo một đội ngũ tinh gọn, thích ứng nhanh và vững vàng về kỹ năng. Chính vì vậy, Công ty không ngừng nâng cấp và hoàn thiện các chính sách nhân sự toàn diện, tập trung vào việc thu hút, đào tạo chuyên sâu và giữ chân nhân tài, qua đó xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và khơi dậy tối đa tinh thần cống hiến của tập thể người lao động.

99

Về tuyển dụng

- **Tuyển dụng mới:** Tuyển dụng thêm lực lượng lao động để bù đắp lực lượng nghỉ hưu theo chế độ.
- **Thu hút và giữ chân nhân sự kỹ thuật đặc thù:** Công ty chú trọng hơn nữa việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt ở các vị trí kỹ thuật đặc thù của nhà máy đường (như vận hành điện, nấu đường...), đồng thời có chính sách phù hợp để thu hút, tuyển dụng, đào tạo và giữ chân lao động có năng lực.

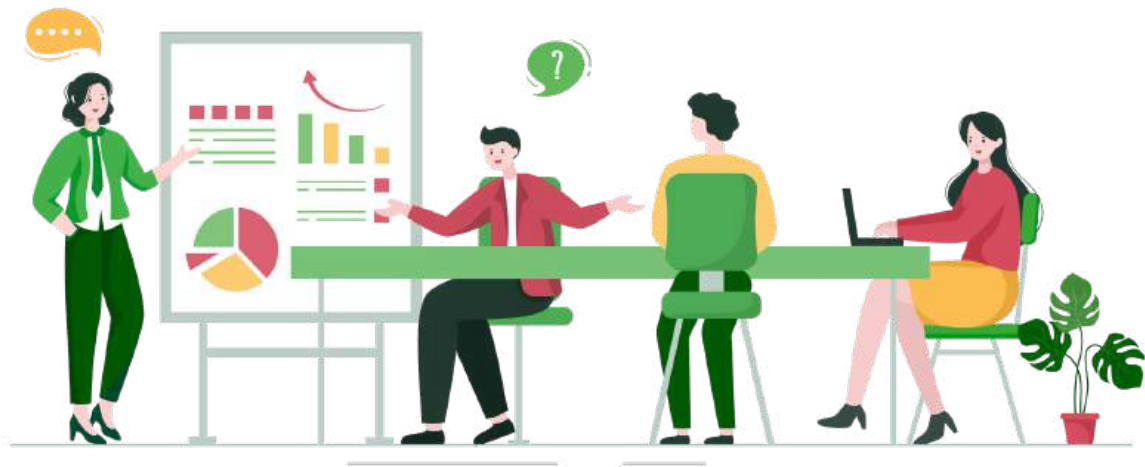


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

- **Bồi dưỡng chuyên môn:** Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật.
- **Đào tạo lực lượng mới:** Lập kế hoạch đào tạo cho nguồn lao động mới tuyển dụng để kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và vận hành sản xuất.
- **Trọng tâm kỹ thuật đặc thù:** Tăng cường đào tạo chuyên sâu tại các vị trí kỹ thuật trọng yếu của nhà máy (như vận hành điện, nấu đường...).



Về môi trường làm việc

- **Đảm bảo an toàn và vệ sinh:** Công ty liên tục cải thiện điều kiện làm việc và môi trường lao động, tạo không gian làm việc an toàn, vệ sinh sạch sẽ. Mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.
- **Đào tạo & Huấn luyện an toàn:** Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ nhằm nâng cao nhận thức cho toàn thể người lao động.
- **Bảo vệ môi trường & Vệ sinh công nghiệp:** Công ty quan tâm đầu tư thích đáng cho hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh công nghiệp và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- **Tiền lương & Thanh toán:** Tiền lương được chi trả đầy đủ, kịp thời; thực hiện đúng theo các quy định của Luật Lao động và quy định của HĐQT.
- **Chế độ phúc lợi:** Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách bảo hiểm và đãi ngộ theo quy định như BHXH, BHYT, BHTN, tiền ăn ca....
- **Chăm lo đời sống:** Công ty luôn quan tâm duy trì việc làm, ổn định đời sống và đảm bảo thu nhập cho tập thể người lao động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

- Bổ sung thiết bị & đồng bộ hóa: Rà soát, đánh giá tổng thể dây chuyền hiện hữu để đầu tư bổ sung thêm máy móc, thiết bị nhằm đảm bảo tính đồng bộ, tăng công suất ép và nâng cao hiệu suất thu hồi.
- Sửa chữa lớn định kỳ: Thực hiện kế hoạch tu bổ, bảo dưỡng và sửa chữa lớn định kỳ máy móc thiết bị hằng năm trước vụ sản xuất.
- Đổi mới công nghệ: Nghiên cứu đưa các công nghệ mới vào công đoạn chế luyện nhằm giảm tổn thất nguyên liệu, hạ giá thành và nâng cao chất lượng đường.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Niên độ 2024-2025	Niên độ 2025-2026
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,26	1,17
	Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,38	0,90
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	54,05	57,75
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	117,62	136,67
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Vòng	1,35	3,11
	Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Vòng	0,65	1,00
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10,00	0,96
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	14,10	2,17
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6,56	0,96
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	10,80	1,51

01 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong niên độ 2025-2026, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,17 lần, giảm nhẹ so với mức 1,26 lần của niên độ trước. Công ty tiếp tục duy trì tài sản ngắn hạn ở mức đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, đảm bảo nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong khi đó, hệ số thanh toán nhanh tăng đáng kể từ 0,38 lần lên 0,90 lần. Kết quả này chủ yếu đến từ việc Công ty linh hoạt chính sách bán hàng, gia tăng bán chịu có kiểm soát nhằm thúc đẩy tiêu thụ và giảm lượng hàng tồn kho. Qua đó, cơ cấu tài sản ngắn hạn chuyển dịch từ hàng tồn kho sang các khoản phải thu có tính thanh khoản cao hơn, đồng thời nâng cao khả năng đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn. Công ty tiếp tục kiểm soát công nợ và thời hạn thu hồi các khoản phải thu nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

02 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu nguồn vốn của Công ty dịch chuyển theo hướng gia tăng sử dụng Nợ ngắn hạn, chủ yếu từ khoản phải trả người bán mía nguyên liệu. Việc gia tăng nguồn vốn ngắn hạn được Công ty sử dụng như một đòn bẩy tài chính thúc đẩy tăng trưởng doanh thu.

Theo đó, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng 3,70%, từ 54,05% lên 57,75%, đồng thời hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng 19,05%, từ 117,62% lên 136,67%.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

03 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 1,35 vòng lên 3,11 vòng, tương ứng tăng 1,76 vòng. Kết quả này đến từ việc Công ty đẩy mạnh hoạt động bán hàng, qua đó giảm đáng kể lượng hàng đường thành phẩm đang trong kho. Sản lượng bán ra gia tăng đồng thời làm giá vốn hàng bán tăng, chủ yếu từ giá vốn bán đường trong kỳ.

Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,65 vòng lên 1,00 vòng, tương ứng tăng 0,35 vòng, chủ yếu nhờ Doanh thu bán đường thành phẩm tăng mạnh và Tổng tài sản của doanh nghiệp không có sự thay đổi nhiều.

04 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong bối cảnh lượng hàng tồn kho ngành ở mức cao và giá đường trên thị trường giảm mạnh, Công ty đã chủ động đẩy mạnh hoạt động bán hàng nhằm giảm lượng hàng tồn kho. Nhờ đó, doanh thu thuần tăng mạnh, tuy nhiên giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng cũng gia tăng tương ứng, làm các chỉ tiêu sinh lời giảm so với niên độ trước.

Theo đó, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần giảm từ 10,00% xuống 0,96%, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/doanh thu thuần giảm từ 10,80% xuống 1,51%. Đồng thời, ROE giảm từ 14,10% xuống 2,17% và ROA giảm từ 6,56% xuống 0,96%. Biến động này chủ yếu gắn với định hướng ưu tiên thúc đẩy bán hàng, cải thiện tốc độ luân chuyển hàng hóa và chủ động thích ứng với diễn biến của thị trường đường.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

5.070.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phần đang lưu hành

5.070.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu

Loại cổ phiếu

CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Công ty đã hoàn thành việc nộp hồ sơ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50% theo văn bản số 7422/UBCK-PTTT ngày 07/08/2026 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong niên độ 2025-2026, Công ty không thực hiện thay đổi vốn điều lệ.

Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm 12/06/2026

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	204	5.061.600	99,83%
1	Cá nhân	201	4.300.190	84,82%
2	Tổ chức	3	761.410	15,02%
II	Cổ đông nước ngoài	4	8.400	0,17%
1	Cá nhân	4	8.400	0,17%
2	Tổ chức	0	0	0,00%
Tổng cộng (I + II)		208	5.070.000	100,00%

Cổ đông lớn

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Kim Hà Việt	760.500	15%
2	Đặng Thị Thu Hằng	500.000	9,86%

Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Trong niên độ 2025 – 2026, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.
- Số lượng cổ phiếu quỹ Công ty hiện đang nắm giữ là 0 cổ phiếu.

Các chứng khoán khác

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Trong bối cảnh các yêu cầu về tăng trưởng xanh, trách nhiệm xã hội và quản trị bền vững ngày càng trở thành những tiêu chuẩn quan trọng đối với doanh nghiệp, phát triển bền vững không còn là một lựa chọn, mà đã trở thành định hướng xuyên suốt trong quá trình tạo lập giá trị dài hạn. Tại Việt Nam, định hướng này cũng đang được cụ thể hóa mạnh mẽ thông qua các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, hướng tới sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Nhận thức rõ vai trò của doanh nghiệp trong tiến trình đó, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum từng bước tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào hoạt động sản xuất kinh doanh, chú trọng sử dụng hiệu quả nguồn lực, bảo vệ môi trường, đồng hành cùng người lao động và cộng đồng, qua đó củng cố nền tảng cho sự phát triển ổn định, trách nhiệm và bền vững trong dài hạn.



Tác động lên môi trường

Quản lý môi trường trong toàn bộ chuỗi hoạt động sản xuất không chỉ là yêu cầu tuân thủ pháp luật mà còn thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động, cộng đồng và mục tiêu phát triển bền vững. Việc chủ động nhận diện, kiểm soát và xử lý các yếu tố có khả năng tác động đến môi trường góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn, bảo vệ sức khỏe người lao động, đồng thời hạn chế ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Đặc thù của ngành sản xuất đường mía là phần lớn phụ phẩm và chất thải phát sinh có nguồn gốc hữu cơ. Tuy nhiên, nếu không được thu gom, kiểm soát và xử lý bằng công nghệ phù hợp, các nguồn phát sinh này vẫn có thể gây tác động đáng kể đến môi trường. Vì vậy, Công ty chú trọng quản lý đồng bộ đối với ba nhóm chính gồm khí thải, chất thải rắn và nước thải, đồng thời đẩy mạnh tái sử dụng tài nguyên và tận dụng phụ phẩm trong sản xuất.

Khí thải

Khí thải chủ yếu phát sinh từ lò hơi sử dụng bã mía làm nhiên liệu phục vụ hoạt động sản xuất. Công ty thực hiện kiểm soát nguồn phát thải thông qua hệ thống cyclone và thiết bị tách bụi ẩm nhằm nâng cao hiệu quả xử lý bụi trước khi khí thải ra môi trường. Việc tận dụng bã mía làm nhiên liệu cho lò hơi đồng thời góp phần giảm lượng phụ phẩm cần xử lý và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trong quá trình sản xuất.

Nước thải

Công ty ưu tiên tối ưu hóa việc sử dụng nước thông qua thu hồi và tái sử dụng các nguồn nước phát sinh trong quá trình sản xuất cho những công đoạn và thiết bị phù hợp.

Chất thải rắn

Các phụ phẩm chính phát sinh trong quá trình sản xuất gồm bã mía, chiếm khoảng 25-32% lượng mía ép; mật rỉ, tương đương khoảng 4,5-5,2% khối lượng mía; và bùn lọc, chiếm khoảng 4-5 % lượng mía ép. Thay vì xem đây đơn thuần là chất thải cần xử lý, Công ty định hướng gia tăng khả năng thu hồi và tận dụng giá trị từ các phụ phẩm. Trong đó, mật rỉ có thể được sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất mì chính, cồn ethanol và nấm men. Bùn và bã mía dùng để cải tạo đất cho vùng nguyên liệu mía và các cây trồng khác. Việc tận dụng các dòng phụ phẩm này góp phần giảm lượng chất thải phát sinh, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu và từng bước tiếp cận mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

- Ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại nhằm tối ưu hóa và giảm thiểu phát thải.
- Duy trì hệ thống bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo hiệu quả vận hành ổn định.
- Thực hiện quan trắc môi trường thường xuyên để đánh giá và cải thiện hiệu suất xử lý.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu



Trong những năm qua, Công ty đã chủ động phối hợp với chính quyền và các cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác quy hoạch, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu mía theo hướng ổn định, hiệu quả và bền vững.

Xác định vùng nguyên liệu là nền tảng quan trọng bảo đảm sự ổn định của hoạt động sản xuất, Công ty từng bước xây dựng cơ chế đồng hành toàn diện với người trồng mía, từ hỗ trợ vốn đầu tư, hỗ trợ trồng mới, tổ chức thu mua ổn định đến chia sẻ rủi ro do thiên tai và các yếu tố bất lợi trong sản xuất. Thông qua mối liên kết này, Công ty không chỉ góp phần duy trì nguồn cung nguyên liệu ổn định, đáp ứng yêu cầu về sản lượng và chất lượng, mà còn hỗ trợ người nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định thu nhập và từng bước hình thành sinh kế bền vững tại địa phương.

Tiêu thụ năng lượng



Ban Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, xem đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm tối ưu chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm thiểu tác động đến môi trường. Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng và theo dõi định mức tiêu thụ năng lượng tại các văn phòng, nhà máy; thực hiện báo cáo định kỳ để đánh giá mức độ sử dụng và kịp thời nhận diện các cơ hội cải thiện. Hoạt động tiêu thụ năng lượng tại nhà máy được kiểm soát theo các tiêu chuẩn và định mức phù hợp, góp phần bảo đảm hệ thống vận hành ổn định và hiệu quả.

Bên cạnh các giải pháp về quản lý và kỹ thuật, Công ty chú trọng xây dựng văn hóa sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thông qua các hoạt động truyền thông nội bộ và khuyến khích sự tham gia của cán bộ công nhân viên. Trong năm qua, nhiều sáng kiến cải tiến đã được đề xuất và trao đổi, tập trung vào tối ưu quy trình sản xuất, nâng cấp thiết bị, cải thiện phương thức vận hành và thay đổi thói quen sử dụng năng lượng. Các sáng kiến có tính khả thi được Ban Lãnh đạo quan tâm, xem xét và từng bước áp dụng, qua đó thúc đẩy tinh thần cải tiến liên tục và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trong toàn Công ty.

Tiêu thụ nước



Công ty xác định bảo vệ tài nguyên nước là một trong những nội dung trọng yếu trong công tác quản lý môi trường, đồng thời là trách nhiệm đối với cộng đồng và hệ sinh thái tại địa phương. Trên cơ sở đó, Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, chủ động kiểm soát các nguồn phát sinh nước thải và duy trì phương châm “cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống” trong quá trình hoạt động.

Song song với việc nâng cao ý thức tiết kiệm nước trong toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty thường xuyên đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước và hạn chế tác động đến môi trường. Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất được thu gom, xử lý và kiểm soát trước khi xả thải, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định. Qua đó, Công ty từng bước nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước, góp phần bảo vệ môi trường và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Công ty chú trọng xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường xuyên suốt từ cấp quản lý đến từng cán bộ công nhân viên, qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc giảm thiểu tác động đến môi trường. Các hoạt động sản xuất kinh doanh được tổ chức trên cơ sở tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, đồng thời chủ động nhận diện, kiểm soát và hạn chế các tác động có thể phát sinh trong quá trình vận hành.

Trong niên độ 2025–2026, Công ty tiếp tục duy trì việc tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường và không ghi nhận trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường. Các nguồn phát thải từ hoạt động sản xuất được theo dõi và kiểm soát thường xuyên, qua đó góp phần duy trì chất lượng môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý và củng cố nền tảng cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội, tài trợ và hỗ trợ người dân địa phương.

Đối với người trồng mía, Công ty tiếp tục triển khai nhiều chính sách nhằm giảm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả canh tác và khuyến khích người dân gắn bó lâu dài với cây mía. Các hỗ trợ bao gồm chi phí làm đất, chuyển đổi đất sang trồng mía, cơ giới hóa, hệ thống tưới tự động, giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hướng dẫn kỹ thuật canh tác. Công ty cũng hỗ trợ đưa các giống mía mới có năng suất, chất lượng cao như KK3, KK4, CYZ08-1609 và NSUT10-266 vào sản xuất.

Thông qua các chính sách này, Công ty góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện thu nhập cho người trồng mía, đồng thời củng cố mối liên kết giữa doanh nghiệp – nông dân – địa phương, hướng tới phát triển vùng nguyên liệu ổn định và bền vững.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	48
Tình hình tài chính	49
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	51
Kế hoạch phát triển trong tương lai	56
Giải trình của Ban điều hành với ý kiến của kiểm toán	58
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	58



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng quan về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2025-2026	TH 2025-2026	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu thuần	461.300	580.152	125,76%
2	Lợi nhuận trước thuế	12.100	5.965	49,30%
3	Lợi nhuận sau thuế	11.500	5.570	48,43%

Niên độ 2025-2026, tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược gay gắt; Xung đột vũ trang leo thang kéo dài Nga - Ucraina; Mỹ- Israel -Iran; giá xăng dầu tăng cao; tỷ giá, lãi suất biến động, căng thẳng thương mại và các rào cản xuất nhập khẩu gia tăng, khiến chuỗi cung ứng toàn cầu chịu áp lực lớn, chi phí nguyên vật liệu, năng lượng, logistics và vận tải tăng cao kỷ lục.

Trong nước, nền kinh tế Việt Nam đối mặt nhiều thách thức từ cả bên ngoài và nội tại; thiên tai, thời tiết cực đoan với mức độ và tần suất bất thường gây thiệt hại lớn tại nhiều địa phương, trong đó cơn bão số 13 ảnh hưởng nghiêm trọng đến vùng nguyên liệu mía của Công ty.

Niên vụ 2025- 2026, giá đường trong nước tiếp tục giảm sâu, tiêu thụ suy yếu, tồn kho lớn, lợi nhuận giảm. Nguyên nhân chính là do:

- Giá đường thế giới giảm sâu do đường nhập khẩu các nước ASEAN và đường Thái lan nhập lậu theo đường tiểu ngạch qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
- Gian lận thương mại và buôn lậu đường vẫn diễn ra tại nhiều địa phương khắp cả nước, với số lượng lớn, mặc dù các cơ quan chức năng đã tăng cường kiểm soát, song các đối tượng hoạt động phức tạp và tinh vi, gây khó khăn trong việc ngăn chặn, gây áp lực cho công tác tiêu thụ đường trong nước, kéo theo giá đường trong nước giảm mạnh, lượng đường tồn kho của Công ty tăng cao.

Lợi nhuận sau thuế

5.570 Triệu đồng

Trước bối cảnh trên, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã áp dụng chính sách thu mua mía linh hoạt kịp thời. Quyết định thời điểm, giá cả tiêu thụ hàng hóa phù hợp, tiết giảm các khoản chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm. Tuy vậy, do giá đường liên tục giảm mạnh, các chi phí đồng loạt tăng cao, biên lợi nhuận gộp giảm dẫn đến Công ty không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế TNDN.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	30/06/2025		30/06/2026		Tỷ lệ % tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	361.922	65,00%	411.127	67,49%	13,60%
Tài sản dài hạn	194.866	35,00%	198.031	32,51%	1,62%
Tổng tài sản	556.788	100%	609.158	100%	9,41%

Tại ngày 30/06/2026, tổng tài sản của Công ty đạt 609.158 triệu đồng, tăng 9,41% so với thời điểm 30/06/2025. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 411.127 triệu đồng, tăng 13,60% và chiếm 67,49% tổng tài sản, trong khi tài sản dài hạn tăng nhẹ 1,62%.

Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do khoản phải thu khách hàng ngắn hạn gia tăng. Nguyên nhân đến từ việc Công ty chủ động đẩy mạnh bán hàng và áp dụng thời hạn thanh toán phù hợp cho khách hàng nhằm thúc đẩy nguồn cầu, giảm lượng hàng tồn kho và cải thiện tốc độ luân chuyển hàng hóa.



Tổng tài sản

609.158 Triệu đồng



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	30/06/2025		30/06/2026		Tỷ lệ % tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	286.104	95,07%	351.767	100%	22,95%
Nợ dài hạn	14.828	4,93%	0	0	-
Tổng nợ phải trả	300.932	100%	351.767	100%	16,89%

Cơ cấu nợ phải trả của Công ty tiếp tục tập trung chủ yếu ở các khoản nợ ngắn hạn, phù hợp với đặc thù nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động thu mua và sản xuất. Đến ngày 30/06/2026, tổng nợ phải trả đạt 351.767 triệu đồng, tăng 16,89% so với đầu niên độ; trong đó, nợ ngắn hạn chiếm 100% tổng nợ phải trả.

Nợ ngắn hạn tăng chủ yếu do khoản phải trả người bán mía nguyên liệu gia tăng, gắn với việc Công ty chủ động và linh hoạt trong công tác thu mua nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất.

Tổng nợ phải trả

351.767

Triệu đồng



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác nguyên liệu

Công tác thu mua mía nguyên liệu:

Tổng sản lượng mía thu mua vụ 2025-2026 đạt 111,74 % so với kế hoạch và tăng 27,4% so với vụ 2024-2025. Nguyên nhân chủ yếu là do vụ này Công ty có mua thêm sản lượng mía từ ngoài vùng.

Công tác thu hoạch, vận chuyển cơ bản đáp ứng được công suất hoạt động của Nhà máy nhưng năm nay giá cà phê, hồ tiêu và nhân công thu hoạch tăng cao hơn những năm trước đã thu hút phần lớn lao động tại địa phương chuyển sang thu hoạch các loại cây trồng này và các dự án ... dẫn đến thiếu hụt nghiêm trọng nhân công chặt mía. Vì vậy, tiến độ thu mua mía vụ này chậm hơn kế hoạch và thời gian kết thúc vụ kéo dài so với các năm trước.

Công tác thu hồi nợ đầu tư vùng nguyên liệu:

Công tác thu hồi nợ vụ 2025-2026 không đạt theo kế hoạch, nợ phải thu thực hiện đạt 92,38%% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến một số hộ thu hồi nợ không đạt kế hoạch là do điều kiện thời tiết khí hậu tại vùng trồng mía nắng hạn vào đầu vụ, mưa tập trung thời gian dài lúc mía sinh trưởng nên cây mía không thể phát triển, năng suất thấp làm cho hộ trồng mía không đủ trả nợ cho Công ty. Nợ quá hạn của các vụ trước còn lại không đáng kể và đã được trích lập dự phòng theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác sản xuất chế biến đường và tu bổ sửa chữa máy móc thiết bị



Công ty đã triển khai thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn định kỳ năm 2025 một cách hiệu quả; tiết kiệm. Kết quả thiết bị sau khi tu bổ, sửa chữa đưa vào hoạt động cơ bản ổn định; các thông số kỹ thuật trên dây chuyền sản xuất bảo đảm; đường thành phẩm đạt tiêu chuẩn nhập kho, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Công suất ép bình quân vụ này cao hơn kế hoạch và cao hơn vụ trước. Sản lượng mía ép và sản lượng đường đạt mức cao nhất kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động đến nay. Tuy nhiên tỷ lệ mía sạch/đường vẫn còn cao, nguyên nhân chủ yếu là do vụ này thời tiết khắc nghiệt, đầu vụ bị ảnh hưởng của cơn bão số 13, giữa vụ và cuối vụ bị khô hạn, chất lượng mía suy giảm gây khó khăn cho công tác sản xuất, chế biến, tăng tổn thất, giảm thu hồi.

Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

Trong niên độ 2025-2026, một số lao động chính thức đã đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ, Ban Tổng giám đốc công ty đã chỉ đạo các phòng ban, các tổ sản xuất rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động, bố trí lại các vị trí công tác phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực công tác của từng người; đồng thời tuyển dụng thêm nguồn lao động mới đối với những vị trí còn thiếu để có kế hoạch đào tạo, nhằm đáp ứng kịp thời công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm tiếp theo.

Công ty luôn chăm lo đến đời sống và thu nhập của người lao động, tiền lương được thanh toán đầy đủ, kịp thời; các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của luật lao động.

Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động.

Thực hiện tốt việc cải thiện điều kiện làm việc, môi trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, vệ sinh sạch sẽ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất hiệu quả, bền vững; phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác tiêu thụ sản phẩm

Trong niên độ 2025-2026, công tác tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn, tốc độ bán hàng chậm, tồn kho tăng so với các năm trước đây. Nguyên nhân chủ yếu là do thị trường đường thế giới lao dốc xuống mức thấp nhất trong ba năm qua, cộng với đường nhập lậu, gian lận thương mại chưa được kiểm soát triệt để.

Công tác tiêu thụ sản phẩm được Hội đồng quản trị quản lý chặt chẽ, Ban điều hành thực hiện đúng chính sách bán hàng được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Công tác tài chính

Công tác Tài chính của Công ty được quản lý chặt chẽ, tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Các khoản chi phí được kiểm soát chặt chẽ và hết sức tiết kiệm, đây cũng là nguyên nhân quan trọng làm tăng lợi nhuận của Công ty. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

Công tác xã hội, từ thiện, an sinh xã hội

Công tác xã hội từ thiện là việc làm hết sức cần thiết đối với doanh nghiệp, góp phần thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, đồng thời để quảng bá thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp đóng trên địa bàn của tỉnh nhà. Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong niên độ 2025-2026, Công ty đã ủng hộ ngày hội bánh chưng xanh các xã đồng bào dân tộc thiểu số có vùng nguyên liệu mía trên toàn tỉnh, tham gia ủng hộ xây dựng sân bóng đá mini, hỗ trợ kinh phí xây dựng tủ sách giáo khoa dùng chung cho học sinh dân tộc thiểu số năm học 2026-2027 tại xã Ngọc Bay và nhiều hoạt động từ thiện khác.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch SXKD niên độ 2026 - 2027

Tổng doanh thu thuần

461.747 Triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế TNDN

6.615 Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN

6.139 Triệu đồng

Một số giải pháp thực hiện

Khối phòng ban nghiệp vụ, phục vụ:

Xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân khúc thị trường tiêu thụ trong tỉnh, ngoài tỉnh, các khách hàng truyền thống để làm cơ sở lập kế hoạch tiêu thụ. Luôn tạo mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Lắng nghe ý kiến kiến nghị của khách hàng từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong quản trị doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm phục vụ tốt hơn cho khách hàng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy quản lý, điều hành. Tuyển dụng đào tạo và bố trí lại nguồn nhân lực ở các phòng ban chuyên môn theo hướng tinh gọn, đảm bảo đủ năng lực và phù hợp với cương vị công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu mới.

Chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh công nghiệp để đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định.

Một số giải pháp thực hiện

Về công tác Nguyên liệu:

- Xây dựng chiến lược phát triển vùng nguyên liệu trong 3-5 năm tới, để có cơ sở ban hành chính sách đầu tư phù hợp, nhằm phát triển bền vững vùng nguyên liệu, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Công ty và người trồng mía.
- Tiếp tục làm việc với chính quyền địa phương các cấp rà soát, tìm kiếm quỹ đất để phát triển mở rộng thêm diện tích vùng nguyên liệu tại các xã mới của tỉnh Quảng Ngãi cho các năm tiếp theo.
- Tiếp tục, duy trì mở rộng đầu tư phát triển một số diện tích tại các vùng lân cận ở Tỉnh Gia Lai để bổ sung Nguyên liệu cho Nhà máy hoạt động đảm bảo công suất.
- Tiếp tục vận động mở rộng diện tích, quỹ đất còn lại đang trồng mỳ và các loại cây trồng khác trên các xã thuộc tỉnh Kon Tum cũ và các xã mới tại tỉnh Quảng Ngãi.
- Tiếp tục tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành chính sách đầu tư, kỹ thuật trồng mía tăng năng suất, tăng thu nhập cho người trồng mía, thu mua phù hợp để khuyến khích bà con gắn bó lâu dài với cây mía.
- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, tổ chức lồng ghép vào các buổi họp, các hội nghị... các Thôn, làng để phổ biến các chính sách đầu tư, thu mua của Công ty. Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn mô hình canh tác mới bằng phương pháp cơ giới hóa đồng bộ nhằm phát triển, mở rộng diện tích mía ổn định và bền vững.
- Tiếp tục khảo nghiệm, cơ cấu lại giống mía phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu của địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, tìm kiếm các giống mía mới cho năng suất và chữ đường cao; áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác cây mía để tăng năng suất mía bình quân từ 80 tấn/ha trở lên và chữ đường bình quân đạt ≥ 10 CCS, nhằm tăng thu nhập cho bà con nông dân trồng mía.
- Đôn đốc các hộ nông dân trồng mía chăm sóc mía đúng theo quy trình kỹ thuật, cụ thể làm sạch cỏ trước khi bón phân, bón đủ số lượng theo định mức của Công ty. Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện kịp thời sâu bệnh (nếu có) để phòng trừ, khuyến khích người dân lắp đặt hệ thống tưới để chủ động chống hạn và tăng năng suất.

Khối sản xuất chế biến Đường:

Tăng cường công tác quản lý điều hành trong từng công đoạn sản xuất, nâng cao năng suất lao động nhằm giảm thiểu tổn thất, tiết kiệm nguyên vật liệu sản xuất để nâng cao hiệu suất thu hồi.

Tập trung rà soát đánh giá lại dây chuyền sản xuất, tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất các hạng mục đầu tư, cải tạo, kiểm tu sửa chữa để đầu tư bổ sung thiết bị nhằm tăng công suất ép, tăng hiệu suất thu hồi và đảm bảo tiến độ vào vụ sản xuất của Công ty.

Tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, tăng hiệu suất thu hồi; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2025-2026, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

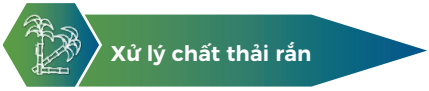
Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời xác định đây là một trong những nền tảng quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển bền vững.

Trong niên độ vừa qua, công tác quản lý và xử lý phát thải được Công ty triển khai đồng bộ, từ khâu thu gom, dẫn truyền đến xử lý và xả thải. Các quy trình được kiểm soát chặt chẽ nhằm bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành.



Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất được thu gom và dẫn qua hệ thống bể lắng để loại bỏ tạp chất. Nước sau xử lý chỉ được xả ra môi trường khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.



Chất thải rắn, đặc biệt là bã bùn phát sinh từ quá trình ép mía, được thu gom và chuyển giao cho các đơn vị sản xuất phân bón để tái sử dụng. Giải pháp này vừa góp phần tối ưu chi phí, vừa thúc đẩy tận dụng tài nguyên và phát triển kinh tế tuần hoàn.



Khí thải phát sinh chủ yếu từ lò hơi sử dụng bã mía và quá trình xử lý nước mía. Công ty áp dụng hệ thống cyclone tách bụi ẩm hoặc cyclone thủy lực nhằm kiểm soát bụi và hạn chế tác động đến môi trường không khí.



Ban Lãnh đạo thường xuyên chỉ đạo các đơn vị sử dụng năng lượng hợp lý, hạn chế lãng phí và thất thoát; đồng thời tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường trong toàn thể cán bộ, công nhân viên. Qua đó, mức tiêu thụ năng lượng được kiểm soát hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và thực hiện chủ trương sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và nền tảng cho sự phát triển bền vững. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, tôn trọng và tạo điều kiện để mỗi người lao động phát huy năng lực, phát triển lâu dài cùng Công ty.

Chính sách lương và phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ, đúng hạn các chế độ tiền lương, phúc lợi theo hợp đồng lao động, quy chế nội bộ và quy định pháp luật. Người lao động được tham gia đầy đủ BHXH, BHYT và BHTN theo quy định, qua đó bảo đảm quyền lợi và sự an tâm trong quá trình làm việc.

Gắn kết và ghi nhận người lao động: Công ty thường xuyên lắng nghe, tiếp nhận ý kiến đóng góp của người lao động để kịp thời điều chỉnh chính sách và cải thiện môi trường làm việc. Những sáng kiến, đóng góp tích cực được ghi nhận và khen thưởng phù hợp, góp phần khuyến khích tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và cống hiến.

An toàn và môi trường làm việc: Công ty chú trọng bảo đảm các điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động và trang bị bảo hộ cần thiết. Môi trường làm việc được duy trì thông thoáng, đủ ánh sáng và đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, an toàn theo quy định.

Bên cạnh đó, các hoạt động thi đua và phong trào nội bộ được tổ chức thường xuyên, góp phần tạo không khí làm việc tích cực, tăng cường sự gắn kết và xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên đoàn kết, trách nhiệm và vững mạnh.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty cổ phần Đường Kon Tum tự hào là một phần không thể thiếu của cộng đồng địa phương, luôn nỗ lực đồng hành cùng các cơ quan, địa phương trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, Công ty đã không ngừng cố gắng xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất, hỗ trợ thu mua và đầu tư công nghệ chế biến mía đường hiện đại. Những nỗ lực này đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao đời sống của người dân tham gia trồng mía, đồng thời đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về giữ gìn và bảo vệ môi trường xung quanh. Quy trình xử lý chất thải tại Công ty được thực hiện một cách nghiêm túc, nhằm hạn chế tối đa mọi tác động tiêu cực đến môi trường, đảm bảo cuộc sống an lành cho người dân địa phương.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	62
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	63
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	64



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025 - 2026	Thực hiện 2025 - 2026	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	461.300	580.152	125,76%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.100	5.965	49,30%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.500	5.570	48,43%

Niên độ 2025-2026, tình hình thế giới vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức lớn như xung đột địa chính trị quốc tế, căng thẳng thương mại và các rào cản xuất nhập khẩu làm gia tăng nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng, chi phí nguyên vật liệu, năng lượng, logistics và vận tải tăng cao; chính sách tiền tệ thắt chặt tại nhiều quốc gia, sự suy yếu của thương mại và đầu tư toàn cầu; đặc biệt là các hiện tượng thời tiết cực đoan do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đe dọa an ninh lương thực, an ninh năng lượng. Tuy lạm phát đã hạ nhiệt, chính sách tiền tệ đang được nới lỏng; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu dần hồi phục nhưng vẫn còn bấp bênh; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu của khu vực và thế giới.

Niên độ 2025-2026, ngành mía đường trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do tiêu thụ chậm, giá bán giảm, tồn kho tăng cao, áp lực cạnh tranh từ đường lậu, gian lận thương mại và đường lỏng HFCS. Những yếu tố này đã tác động đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh đó HĐQT và BĐH đã chủ động, linh hoạt trong điều hành, kịp thời điều chỉnh giá thu mua mía và giá bán đường phù hợp với thị trường, góp phần duy trì ổn định sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do giá bán đường giảm sâu, biên lợi nhuận thu hẹp, Công ty chưa hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng Quản trị theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ và quy định của pháp luật.

HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc và các cán bộ điều hành đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh còn nhiều khó khăn. Mặc dù lợi nhuận thực hiện chưa đạt kế hoạch đề ra, Ban điều hành đã chủ động triển khai các giải pháp nhằm duy trì hoạt động ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. HĐQT đề nghị Ban điều hành tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, tập trung các giải pháp nâng cao hiệu quả và phấn đấu hoàn thành tốt kế hoạch trong niên độ tới.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong điều kiện kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, thách thức bởi xung đột Nga – Ukraina, xung đột khu vực Trung Đông Iran - Israel, hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại mặt hàng đường trong nước vẫn chưa được kiểm soát triệt để. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng nhiều vùng trồng mía nguyên liệu. Giá cả vật tư Nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), các loại hóa chất công nghiệp và chi phí vận chuyển tăng mạnh.

Trong nước, môi trường kinh doanh dự báo tiếp tục khó khăn do sức mua phục hồi chậm, tâm lý tiêu dùng thận trọng, chi phí sản xuất biến động và cạnh tranh gay gắt. Để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua khó khăn thách thức, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông; đồng thời tạo việc làm, ổn định đời sống cho người lao động, Hội đồng Quản trị đề ra kế hoạch SXKD niên độ 2026-2027 như sau:

- Tổng doanh thu thuần: 461.747 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 6.615 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 6.139 triệu đồng



Về vùng nguyên liệu

- Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách đầu tư hỗ trợ và phục vụ người trồng mía một cách thiết thực, hiệu quả để phát triển vùng Nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng Nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn các vùng lân cận nhà máy.
- Tiếp tục làm việc các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Quảng Ngãi để rà soát tìm kiếm quỹ đất, phát triển thêm diện tích mía trong niên vụ 2026-2027 và những năm tiếp theo.
- Xây dựng chiến lược phát triển vùng nguyên liệu trong 3-5 năm tới để có cơ sở ban hành chính sách đầu tư phù hợp cho từng năm, nhằm phát triển bền vững vùng nguyên liệu, đảm bảo hài hòa lợi ích của Doanh nghiệp và người trồng mía.
- Tiếp tục, duy trì mở rộng đầu tư phát triển một số diện tích tại các vùng lân cận ở Tỉnh Gia Lai để bổ sung Nguyên liệu cho Nhà máy hoạt động đảm bảo công suất.
- Tăng cường công tác khảo nghiệm, cơ cấu các loại giống mía mới có năng suất, chữ đường cao, thay thế các loại giống mía cũ hiện đang sản xuất để nâng cao thu nhập cho người trồng mía

Công tác sản xuất

- Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới vào đầu tư, sản xuất kinh doanh. Tiếp tục rà soát, đánh giá tổng thể thiết bị dây chuyền chế biến đường hiện hữu, để có kế hoạch đầu tư bổ sung thêm máy móc, thiết bị đảm bảo dây chuyền đồng bộ, ổn định công suất ép, nâng cao hiệu suất thu hồi và chất lượng sản phẩm

Về tài chính và nhân sự

- Quản lý chặt chẽ chi phí, nâng cao năng lực quản trị tài chính, giám sát chặt chẽ công tác đầu tư và sử dụng nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư có hiệu quả, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, bền vững.
- Tiếp tục kiện toàn tổ chức lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, năng động với đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý và chuyên môn cao. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách có hệ thống, tiếp thu các tri thức kinh doanh mới để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	68
Ban Kiểm soát	81
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	87



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch HĐQT không điều hành	74.529	1,47%
2	Bà Đặng Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	500.000	9,86%
3	Bà Huỳnh Lệ Thanh	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%
4	Ông Đặng Việt Anh (Miễn nhiệm 03/10/2025)	Nguyên Chủ tịch HĐQT không điều hành	0	0%
5	Ông Thái Văn Hùng (Miễn nhiệm 03/10/2025)	Nguyên Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

01

ÔNG TRẦN NGỌC HIẾU

Chủ tịch Hội đồng quản trị không điều hành

Ngày sinh: 12/10/1956

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Cần Thơ
- Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Sơn La

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 74.529 cổ phiếu, chiếm 1,47% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
 - Bà Tạ Ngọc Hương (Vợ): 251.000 cổ phần, chiếm 4,95% vốn điều lệ.
 - Bà Trần Ngọc Lan (Con): 250.000 cổ phần, chiếm 4,93% vốn điều lệ
 - Ông Trần Ngọc Tuấn (Con): 246.532 cổ phần, chiếm 4,86% vốn điều lệ.

Quá trình công tác:

1976 – 1981	Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia
1982 – 1997	Hoạt động kinh doanh Lương thực thực phẩm
2015 – 05/2026	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La.
2015 – 10/2025	Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
10/2025 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum
10/2019 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Cần Thơ.
05/2026 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Sơn La

02

BÀ ĐẶNG THỊ THU HẰNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 14/04/1977

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
- Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Trà Vinh
- Thành viên HĐQT, TGD CTCP Mía đường Tuy Hòa

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 500.000 cổ phiếu, chiếm 9,86% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Quá trình công tác:

10/2019 – Nay	Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum
03/2022 – Nay	Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
10/2019 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Trà Vinh
6/2022 – Nay	Thành viên HĐQT, TGD CTCP Mía đường Tuy Hòa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

03

BÀ HUỲNH LỆ THANH

Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 20/07/1978

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Quá trình công tác:

2002 – 2021	Công tác tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
2021 – Nay	Công tác tại Công ty TNHH Kim Hà Việt
10/2025 – Nay	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị CTCP Đường Kon Tum.

Những thay đổi của Hội đồng quản trị trong năm tài chính

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày miễn nhiệm/ bổ nhiệm
1	Bà Đặng Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	Cử nhân chuyên ngành Thương mại	Bổ nhiệm 03/10/2025
2	Bà Huỳnh Lệ Thanh	Thành viên độc lập HĐQT	Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp	Bổ nhiệm 03/10/2025
3	Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT không điều hành	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Miễn nhiệm 03/10/2025
4	Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	Cử nhân khoa học	Miễn nhiệm 03/10/2025

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một cán bộ làm Thư ký Hội đồng quản trị; Khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng cán bộ quản lý của Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm:

Hội đồng Quản trị luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và được sự đồng thuận của các thành viên HĐQT, phù hợp với chức năng, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật.

Hoạt động của HĐQT đã được thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông, tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Ban kiểm soát và các thành viên chủ chốt của Ban điều hành được mời tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị hoặc nhận được đầy đủ tài liệu đối với các trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

Định kỳ hoặc bất thường Hội đồng Quản trị tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết những khó khăn vướng mắc của Ban điều hành, nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của Công ty.

Sự quan tâm sâu sát của Hội đồng quản trị đã giúp cho hoạt động của Công ty ổn định, vượt qua khó khăn, thách thức và hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản của niên độ 2025-2026.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT, đóng góp tích cực vào việc hoàn thành kế hoạch chung của Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của HĐQT theo đúng quy định của pháp luật và của Điều lệ công ty, luôn đồng hành và hỗ trợ kịp thời cho hoạt động của Ban điều hành.

Căn cứ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị tự đánh giá, niên độ 2025-2026 tập thể Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và tình hình thực tế của Công ty, trong niên độ tài chính 2025 - 2026, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 phiên họp (bao gồm các cuộc họp định kỳ, họp chuyên đề và họp đột xuất), đồng thời tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Qua đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 55 Nghị quyết và 10 Quyết định để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Do có sự chuyển giao nhân sự giữa hai thế hệ lãnh đạo vào ngày 03/10/2025, tỷ lệ tham gia họp của các thành viên HĐQT trong niên độ cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Chi chú
1	Ông Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch HĐQT	09/09	100,00%	
2	Bà Đặng Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT	04/09	44,44%	Bổ nhiệm 03/10/2025
3	Bà Huỳnh Lệ Thanh	Thành viên độc lập HĐQT	04/09	44,44%	Bổ nhiệm 03/10/2025
4	Ông Đặng Việt Anh	Nguyên Chủ tịch HĐQT	05/09	55,56%	Miễn nhiệm 03/10/2025
5	Ông Thái Văn Hùng	Nguyên Thành viên HĐQT	05/09	55,56%	Miễn nhiệm 03/10/2025



Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT 2025 - 2026			
STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung

I. Giai đoạn từ ngày 01/07/2025 - 31/12/2025

1	34/NQ-HĐQT/2025	04/07/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
2	35/NQ-HĐQT/2025	24/07/2025	Nghị quyết Hợp HĐQT định kỳ quý 3 niên độ 2024-2025.
3	37B/NQ-HĐQT/2025	01/08/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
4	38/NQ-HĐQT/2025	15/08/2025	Nghị quyết Thông qua kế hoạch triển khai Đại hội thường niên năm 2025.
5	42/NQ-HĐQT/2025	27/08/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
6	44/NQ-HĐQT/2025	11/09/2025	Nghị quyết Thông qua ngày Tổ chức ĐHCĐTN 2025, nội dung tài liệu và chương trình Đại hội thường niên 2025.
7	47/NQ-HĐQT/2025	12/09/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
8	49/NQ-HĐQT/2025	14/09/2025	Nghị quyết Thông qua kế hoạch mua vật tư, hóa chất, dầu mỡ cho vụ sản xuất 2025-2026.
9	50/NQ-HĐQT/2025	27/09/2025	Nghị quyết Thông qua việc tiếp nhận Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Đặng Việt Anh và ông Thái Văn Hùng.
10	52/NQ-HĐQT/2025	27/09/2025	Nghị quyết Thông qua bổ sung chương trình và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
11	56/NQ-HĐQT/2025	01/10/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
12	56B/NQ-HĐQT/2025	02/10/2025	Nghị quyết Thông qua kế hoạch mua vật tư, hóa chất cho vụ sản xuất 2025-2026.
13	60/NQ-HĐQT/2025	10/10/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
14	64/NQ-HĐQT/2025	15/10/2025	Nghị quyết Thông qua kế hoạch mua vật tư bao bì phục vụ vụ sản xuất 2025-2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT 2025 - 2026			
STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
15	65/NQ-HĐQT/2025	17/10/2025	Nghị quyết Thông qua chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu vụ sản xuất 2025-2026.
16	67/NQ-HĐQT/2025	24/10/2025	Nghị quyết Hợp HĐQT mở rộng quý 4 niên độ 2024-2025.
17	71/NQ-HĐQT/2025	31/10/2025	Nghị quyết Thông qua kế hoạch mua vật tư vôi cục phục vụ sản xuất vụ 2025-2026.
18	73/NQ-HĐQT/2025	05/11/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
19	83/NQ-HĐQT/2025	10/12/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
20	85/NQ-HĐQT/2025	12/12/2025	Nghị quyết Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025-2026.
21	87/NQ-HĐQT/2025	13/12/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
22	90/NQ-HĐQT/2025	16/12/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
23	91/NQ-HĐQT/2025	16/12/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
24	93/NQ-HĐQT/2025	17/12/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
25	95/NQ-HĐQT/2025	19/12/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
II. Giai đoạn từ ngày 01/01/2026 - 31/06/2026			
26	02/NQ-HĐQT/2026	06/01/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
27	04/NQ-HĐQT/2026	14/01/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
28	08/NQ-HĐQT/2026	21/01/2026	Nghị quyết Thông qua kế hoạch thuê đơn vị vận chuyển đường gửi kho.

NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT 2025 - 2026			
STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
29	08A/NQ-HĐQT/2026	21/01/2026	Nghị quyết Hợp HĐQT định kỳ quý 1 niên độ 2025-2026.
30	10/NQ-HĐQT/2026	03/02/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
31	12/NQ-HĐQT/2026	5/02/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
32	15/NQ-HĐQT/2026	26/02/2026	Nghị quyết Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức niên độ 2024-2025 bằng tiền mặt.
33	16/NQ-HĐQT/2026	27/02/2026	Nghị quyết Chấp thuận đơn xin thôi việc và miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Hữu Quảng.
34	18/NQ-HĐQT/2026	03/03/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
35	18A/NQ-HĐQT/2026	03/03/2026	Nghị quyết Thông qua kế hoạch thu mua mía nguyên liệu bổ sung.
36	20/NQ-HĐQT/2026	13/03/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
37	24/NQ-HĐQT/2026	25/03/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
38	26/NQ-HĐQT/2026	28/03/2026	Nghị quyết Thông qua phương án hợp tác trồng mía liên kết ngoài tỉnh tại huyện Chư Prông (tỉnh Gia Lai)
39	28/NQ-HĐQT/2026	01/04/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
40	30/NQ-HĐQT/2026	10/04/2026	Nghị quyết Thông qua kế hoạch mua vật tư phục vụ sản xuất nhà máy
41	32/NQ-HĐQT/2026	10/04/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
42	33/NQ-HĐQT/2026	15/04/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
43	34A/NQ-HĐQT/2026	15/04/2026	Nghị quyết Thông qua kế hoạch cung ứng và mua phân bón đầu tư vùng nguyên liệu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT 2025 - 2026			
STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
44	36/NQ-HĐQT/2026	19/04/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
45	37/NQ-HĐQT/2026	24/04/2026	Nghị quyết Hợp HĐQT định kỳ quý 2 niên độ 2025-2026
46	41/NQ-HĐQT/2026	12/05/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
47	43/NQ-HĐQT/2026	22/05/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
48	45/NQ-HĐQT/2026	26/05/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
49	46/NQ-HĐQT/2026	29/05/2026	Nghị quyết Thông qua chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ
50	49/NQ-HĐQT/2026	5/06/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
51	51/NQ-HĐQT/2026	09/06/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
52	53/NQ-HĐQT/2026	12/06/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
53	55/NQ-HĐQT/2026	18/06/2026	Nghị quyết Phê duyệt toàn văn tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
54	61/NQ-HĐQT/2026	24/06/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng
55	63/NQ-HĐQT/2026	26/06/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng

QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT 2025 - 2026			
STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Giai đoạn từ ngày 01/07/2025 - 31/12/2025			
1	31/QĐ-HĐQT/2025	02/07/2025	Quyết định thông qua phê duyệt trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 30.6.2025.
2	32/QĐ-HĐQT/2025	02/07/2025	Quyết định Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2024-2025 và trích lập dự phòng quỹ lương năm 2025-2026.
3	40/QĐ-HĐQT/2025	20/08/2025	Quyết định Thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
4	61/QĐ-HĐQT/2025	10/10/2025	Quyết định Phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.
5	77/QĐ-HĐQT/2025	12/11/2025	Quyết định Phê duyệt kế hoạch vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh vụ 2025-2026.
6	78A/QĐ-HĐQT/2025	19/11/2025	Quyết định Phê duyệt đơn giá vận chuyển vụ sản xuất 2025-2026.
7	79A/QĐ-HĐQT/2025	03/12/2025	Quyết định Phê duyệt đơn giá mua mía nguyên liệu vụ sản xuất 2025-2026.
8	81/QĐ-HĐQT/2025	05/12/2025	Quyết định Phê duyệt giá bán phụ phẩm ngành đường vụ sản xuất 2025-2026.
II. Giai đoạn từ ngày 01/01/2026 - 30/06/2026			
9	39/QĐ-HĐQT/2026	04/05/2026	Quyết định Bổ nhiệm lại bà Võ Thị Ái Thùy tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty với thời hạn 05 năm.
10	60/QĐ-HĐQT/2026	23/06/2026	Quyết định Thành lập Ban kiểm phiếu và tổ chức giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều góp ý hiệu quả trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các hội thảo về Quản trị công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. HĐQT ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Trần Thị Bích Nhi	Trưởng BKS	0	0,000%
2	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	0	0,000%
3	Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên BKS	100	0,002%

01 BÀ TRẦN THỊ BÍCH NHI

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 25/10/1964

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán

Quá trình công tác:

12/1984 - 06/1989	Phụ trách kế toán Trưởng dạy nghề nội thương Bình Trị Thiên
1989 - 03/2010	Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị
04/2010 - 09/2013	Phó Giám đốc CTCP Thương mại - dịch vụ Quảng Trị
04/2014 - 10/2015	Thành viên BKS CTCP Mía đường Sơn La
10/2015 - 05/2016	Trưởng BKS CTCP Mía đường Sơn La
07/2015 - Nay	Trưởng BKS CTCP Đường Kon Tum
05/2016 - 09/2025	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
03/2022 - 03/2026	Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

02

BÀ NGUYỄN THỊ THỦY

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 13/03/1960

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

1985 – 1987	Công tác tại Cục Thuế Bình Dương
1987 – 2014	Công tác tại CTCP Đường Bình Dương
07/2015 – Nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
05/2016 – 09/2025	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La

03

ÔNG NGUYỄN ĐỨC CẦN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 20/01/1971

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 100 cổ phiếu, chiếm 0,002% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1990 - 1992	Sinh viên ngành Điện, tại Trường Cơ điện Quy Nhơn
1996 - 1997	Học nghề Kiểm tra chất lượng Thực phẩm Trường Trung học Nông nghiệp Công nghiệp Thực phẩm Đà Nẵng
1997 - 12/2005	Tổ trưởng Tổ KCS tại Công ty Mía Đường Kon Tum
2002 - 2006	Học Đại học Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Đà Nẵng
01/2006 - 08/2013	Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh Doanh - Tổng hợp CTCP Đường Kon Tum
09/2013 - Nay	Phó phòng, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính tại CTCP Đường Kon Tum
04/2016 - Nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NIÊN ĐỘ 2025-2026

Trong niên độ 2025-2026, Ban Kiểm soát (BKS) đã bám sát chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và chương trình công tác đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua; chủ động triển khai công tác kiểm tra, giám sát phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Công tác kiểm tra, giám sát của BKS tập trung vào các nội dung trọng yếu, gồm:

- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, các quy định của pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị (HĐQT), hoạt động của Ban điều hành trong quá trình quản trị, điều hành Công ty.
- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban điều hành, trong đó chú trọng tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và thận trọng.

Giám sát tình hình tài chính, công tác kế toán và lập Báo cáo tài chính; thẩm định Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các thông tin, số liệu tài chính và việc tuân thủ các quy định, chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành. Đồng thời, theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông và việc thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến quyền lợi của cổ đông.

Giám sát việc thực hiện các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán và việc công bố, đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin của Công ty.

Soát xét các báo cáo, tài liệu của Công ty phục vụ điều tra rà soát cuối kỳ biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Thái Lan.

Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng, Báo cáo đánh giá và đóng góp ý kiến cho HĐQT, Ban TGD trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty.

Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ, BKS đánh giá tập thể BKS và từng Kiểm soát viên trong niên độ 2025-2026 đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao, duy trì tinh thần trách nhiệm, tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm tra, giám sát, qua đó hoàn thành tốt nhiệm vụ theo chương trình công tác đã đề ra.

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong niên độ 2025-2026, Ban Kiểm soát tập trung giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, đồng thời theo dõi các giải pháp quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trước những diễn biến thực tế của hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- HĐQT đã chủ động xem xét, điều chỉnh các chủ trương và giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu như phát triển diện tích và thu mua nguyên liệu mía, bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị, tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, quản lý chi phí, cân đối nguồn vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động. Trong đó, trước những khó khăn về vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ đường, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc linh hoạt trong công tác thu mua, tiêu thụ sản phẩm và điều hành sản xuất, góp phần duy trì hoạt động ổn định của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã bám sát các định hướng của HĐQT, chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, trong điều kiện sản lượng mía trong vùng nguyên liệu còn hạn chế, công tác thu mua mía ngoài vùng được triển khai linh hoạt, góp phần bảo đảm nguyên liệu cho sản xuất và duy trì công suất hoạt động của Nhà máy. Công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, quản lý tồn kho, thu hồi công nợ và cân đối dòng tiền cũng được quan tâm thực hiện nhằm hạn chế tác động của tình trạng tiêu thụ đường chậm và giá bán giảm.
- Đối với kết quả kinh doanh, Ban Kiểm soát ghi nhận HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành và triển khai các giải pháp ứng phó với những khó khăn của thị trường. Mặc dù chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao do giá bán đường giảm sâu, chi phí đầu vào tăng cao do ảnh hưởng của giá dầu thế giới, dẫn đến biên lợi nhuận bị thu hẹp, Công ty vẫn ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và chủ động triển khai các giải pháp nhằm kiểm soát chi phí, bảo toàn nguồn lực và tạo nền tảng cho niên độ tiếp theo.
- Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy chế quản trị nội bộ. Công tác quản trị, điều hành được thực hiện theo hướng chủ động, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Trên cơ sở kết quả giám sát, Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao, chủ động ứng phó với những khó khăn của thị trường tiêu thụ sản phẩm và vùng nguyên liệu, bảo đảm hoạt động của Công ty được duy trì ổn định, an toàn và đúng quy định.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Trần Thị Bích Nhi	Trưởng BKS	02/02	100%
2	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	02/02	100%
3	Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên BKS	02/02	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Trong niên độ 2025-2026, BKS đã tổ chức 02 phiên họp định kỳ để triển khai chương trình công tác, xem xét và đánh giá kết quả kiểm tra, giám sát; đồng thời tổ chức 02 cuộc kiểm tra trực tiếp tại Công ty. Bên cạnh đó, các thành viên BKS duy trì việc trao đổi, cập nhật thông tin thường xuyên nhằm kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, xem xét và có ý kiến đối với các vấn đề phát sinh thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và Tên	Chức danh	Niên độ 2025-2026			Tổng thu nhập
			Tiền lương + Phụ cấp	Thưởng	Thù lao	
1	Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch HĐQT	-	-	158.300.000	158.300.000
2	Đặng Việt Anh (Miễn nhiệm 03/10/2025)	Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	-	46.500.000	46.500.000
3	Đặng Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	370.212.000	2.000.000	71.200.000	443.412.000
4	Thái Văn Hùng (Miễn nhiệm 03/10/2025)	Nguyên Thành viên HĐQT không điều hành	-	-	24.800.000	24.800.000
5	Huỳnh Lệ Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	71.200.000	71.200.000
6	Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	98.562.404	1.200.000	-	99.762.404
7	Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc	130.324.571	1.700.000	-	132.024.571
8	Trần Thị Bích Nhi	Trưởng BKS	-	-	96.000.000	96.000.000
9	Nguyễn Thị Thủy	TV BKS	-	-	48.000.000	48.000.000
10	Nguyễn Đức Cẩn	TV BKS	138.733.133	-	48.000.000	186.733.133
11	Võ Thị Ái Thùy	Kế toán trưởng	137.057.833	2.000.000	-	139.057.833

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ%	Số cổ phiếu	Tỷ lệ%	
1	Bà Đặng Thị Thu Hằng	0	0	500.000	9,86	Mua

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong quá trình hoạt động, quản trị công ty luôn là vấn đề được Công ty quan tâm, đặt lên hàng đầu để đảm bảo sự phát triển bền vững. Việc thực hiện quản trị tốt giúp đảm bảo hoạt động của Công ty được hiệu quả và có tính minh bạch, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch (đồng)
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	303.425.925.927
2	Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	145.370.370.370
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	57.179.379.629
4	Công ty TNHH Kim Hà Việt	39.203.339.119
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	21.319.444.444
6	Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	24.442.450
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ		
7	Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	34.044.492.912
8	Công ty TNHH Kim Hà Việt	10.938.588.871
9	Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	80.091.000
Lãi ứng trước tiền hàng phải trả trong năm		
10	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	804.386.303
Chia cổ tức		
11	Công ty TNHH Kim Hà Việt	380.250.000
12	Bà Đặng Thị Thu Hằng	250.000.000
13	Ông Trần Ngọc Hiếu	37.264.500
14	Ông Nguyễn Đức Căn	50.000

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	97
Báo cáo tài chính được kiểm toán	98





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03/10/2025)
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/10/2025)
Bà Huỳnh Lệ Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Bích Nhi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc
Ông Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/02/2026)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 09 năm 2026

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 903/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 09 năm 2026 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

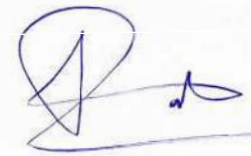
Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1



Đỗ Thành Đạt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6288-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 09 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/07/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		411.127.212.200	361.921.665.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.151.008.781	10.836.357.237
1. Tiền	111	4.1	5.151.008.781	10.836.357.237
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.543.752.000	18.756.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	19.543.752.000	18.756.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		293.399.260.844	79.554.743.689
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	266.196.586.096	40.255.861.540
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	27.317.660.434	37.723.050.657
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.111.775.035	2.108.809.935
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(4.366.760.721)	(3.672.978.443)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	92.804.160.075	252.297.556.080
1. Hàng tồn kho	141		94.280.097.315	253.825.991.714
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.475.937.240)	(1.528.435.634)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		229.030.500	477.008.705
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		229.030.500	477.008.705
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		198.031.152.074	194.866.761.026
I. Tài sản cố định	220		189.865.612.196	184.601.222.816
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	188.500.794.690	183.357.469.590
Nguyên giá	222		431.943.285.174	407.788.046.329
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(243.442.490.484)	(224.430.576.739)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.364.817.506	1.243.753.226
Nguyên giá	228		2.093.794.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(728.976.780)	(715.041.060)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.547.206.956	5.798.949.687
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.547.206.956	5.798.949.687
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.618.332.922	4.466.588.523
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.618.332.922	4.466.588.523
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		609.158.364.274	556.788.426.737

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND				
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/07/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		351.766.728.667	300.931.846.770
I. Nợ ngắn hạn	310		351.766.728.667	286.103.846.770
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	82.876.968.475	33.073.940.957
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		653.706.149	654.731.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	14.753.552.147	4.331.677.195
4. Phải trả người lao động	314		2.154.004.904	1.189.841.912
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.207.747.595	3.060.398.203
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		32.407.408	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.920.362.043	554.234.671
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	238.129.984.758	231.493.832.846
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.11	7.488.105.653	10.859.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.549.889.535	886.189.535
II. Nợ dài hạn	330		-	14.828.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	14.828.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		257.391.635.607	255.856.579.967
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12.1	257.391.547.425	255.856.491.785
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.12.2	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.6	18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.12.6	8.903.262.917	8.903.262.917
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.504.255.815	174.969.200.175
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		170.934.200.175	140.873.460.668
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.570.055.640	34.095.739.507
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		609.158.364.274	556.788.426.737

Phê duyệt





Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Người lập



Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	580.152.493.933	341.002.553.346
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		580.152.493.933	341.002.553.346
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	536.063.686.409	272.085.730.127
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.088.807.524	68.916.823.219
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.731.796.633	2.924.697.980
6. Chi phí tài chính	22	5.3	19.593.374.724	18.585.354.892
Trong đó, chi phí lãi vay	23		18.782.353.233	18.558.374.051
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	11.325.648.197	8.147.886.546
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	6.164.013.094	8.292.801.286
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.737.568.142	36.815.478.475
10. Thu nhập khác	31		158.084.680	188.460.606
11. Chi phí khác	32		2.930.262.553	2.179.485.587
12. Lợi nhuận khác	40		(2.772.177.873)	(1.991.024.981)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.965.390.269	34.824.453.494
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	395.334.629	728.713.987
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.570.055.640	34.095.739.507
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	1.099	6.429
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	1.099	6.429

Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 09 năm 2026

Người lập



Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		396.524.190.351	436.012.636.935
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(295.676.145.914)	(374.550.466.432)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.958.840.126)	(26.014.151.860)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(18.341.551.573)	(17.733.715.213)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	4.9	(653.738.765)	(350.785.973)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		401.458.538	483.961.598
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.133.258.025)	(12.959.291.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.162.114.486	4.888.187.137
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.840.098.815)	(6.962.973.591)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.719.483.961	2.920.435.383
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.120.614.854)	(4.042.538.208)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	252.574.532.314	295.512.168.251
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(260.766.380.402)	(281.769.566.387)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.12.5	(2.535.000.000)	(5.070.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.726.848.088)	8.672.601.864
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(5.685.348.456)	9.518.250.793
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.836.357.237	1.318.106.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	5.151.008.781	10.836.357.237

Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 09 năm 2026

Người lập



Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12 tháng 05 năm 2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3803000111 ngày 27 tháng 10 năm 2006 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại có mã số 6100228104) và các giấy phép thay đổi sau đó do Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi cấp với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 10 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 987/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 456/CV-KTS ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 50.700.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/07/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Việt Nam	7.605.000.000	15,0	7.605.000.000	15
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Việt Nam	5.000.000.000	9,9	-	-
Ông Nguyễn Tất Đạt	Việt Nam	109.000.000	0,2	3.588.000.000	7,1
Các cổ đông khác	Đa quốc gia	37.986.000.000	74,9	39.507.000.000	77,9
Cộng		50.700.000.000	100	50.700.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 222 (30/06/2025: 226).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm có liên quan.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm nay, Công ty ghi nhận doanh thu, giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng tăng đáng kể nhờ sản lượng tiêu thụ tăng. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của Công ty lại giảm đáng kể do giá bán đường suy giảm mạnh dưới áp lực dư cung, tồn kho ngành ở mức cao và cạnh tranh từ đường nhập lậu và gian lận thương mại. Trong khi đó, đơn giá nguyên vật liệu mía đầu vào không biến động nhiều so với năm trước. Các yếu tố này khiến tốc độ doanh thu tăng chậm hơn giá vốn trong năm, làm biên lợi nhuận gộp giảm mạnh so với năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm trước đến ngày 30 tháng 06 năm nay.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng tại ngày cuối năm tài chính.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

3.5. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50 năm	08 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm	07 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10 năm	07 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm	08 – 10 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.13. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng, chi phí thuê kho,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: miễn thuế;
- Thu nhập từ hoạt động khác: 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.16. Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025, Công ty được miễn thuế cho thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Cụ thể, thu nhập từ hoạt động sản xuất đường của Công ty tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được miễn thuế.

3.16. Thuế (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phân bón: 5%;
- Đường và phụ phẩm từ đường, thuốc bảo vệ thực vật: 10%;
- Dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)			
4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
4.1. Tiền			
	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND	
Tiền mặt	164.711.981	303.189.321	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.986.296.800	10.533.167.916	
Cộng	5.151.008.781	10.836.357.237	
4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn			
	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND	
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	19.543.752.000	18.756.000.000	
(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,5%/năm.			
4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND	
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	265.470.861.096	932.298.640	
Phải thu từ khách hàng:			
Công ty TNHH An Hà	-	38.600.000.000	
Các khách hàng khác	725.725.000	723.562.900	
Cộng	266.196.586.096	40.255.861.540	
4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn			
	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND	
Ứng vốn cho nông dân đầu tư trồng mía vùng nguyên liệu	17.758.528.066	29.921.748.281	
Các nhà cung cấp khác (*)	9.559.132.368	7.801.302.376	
Cộng	27.317.660.434	37.723.050.657	
(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)									
4.5. Nợ xấu		Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/07/2025					
		VND		VND					
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi		4.846.838.751	480.078.030	3.693.395.353	20.416.910				
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:									
		Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/07/2025					
		VND		VND					
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Thời gian quá hạn	Thời gian quá hạn
Phải thu về cho vay:									
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh		2.000.000.000	-	Trên 3 năm	2.000.000.000	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm		500.000.000	-	Trên 3 năm	500.000.000	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Xuất khẩu Kiên Giang		640.000.000	-	Trên 3 năm	640.000.000	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Các khách hàng khác									
Phải thu về lãi cho vay:									
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm		235.069.436	-	Trên 3 năm	235.069.436	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Xuất khẩu Kiên Giang		194.380.277	-	Trên 3 năm	194.380.277	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Các khách hàng khác									
Phải thu về nợ bán bã bùn, bã mía:									
Công ty TNHH MTV Kỳ Quang		420.000.000	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh phân bón An Điền		107.913.000	32.373.900	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm
Phải thu nợ đầu tư vùng nguyên liệu		749.476.038	447.704.130	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	123.945.640	20.416.910	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Từ 1 năm đến trên 3 năm
Cộng		4.846.838.751	480.078.030		3.693.395.353	20.416.910			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	(3.672.978.443)	(3.647.943.673)
Trích lập trong năm	(697.519.767)	(28.683.206)
Hoàn nhập trong năm	3.737.489	3.648.436
Số cuối năm	(4.366.760.721)	(3.672.978.443)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/07/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.222.838.741	(489.848.120)	2.493.580.419	(542.346.514)
Công cụ, dụng cụ	18.948.087.218	(986.089.120)	16.576.185.811	(986.089.120)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.001.201.820	-	6.173.208.846	-
Thành phẩm	53.268.257.826	-	220.650.148.978	-
Hàng hóa	2.839.711.710	-	7.932.867.660	-
Cộng	94.280.097.315	(1.475.937.240)	253.825.991.714	(1.528.435.634)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/07/2025	110.392.805.499	294.409.939.125	2.315.851.570	669.450.135	407.788.046.329
Mua sắm	-	12.295.364.417	3.801.679.999	38.900.000	16.135.944.416
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	6.118.454.029	-	-	6.118.454.029
Tăng khác	-	1.900.840.400	-	-	1.900.840.400
Tại ngày 30/06/2026	110.392.805.499	314.724.597.971	6.117.531.569	708.350.135	431.943.285.174
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/07/2025	60.153.811.397	162.031.030.358	1.715.867.927	529.867.057	224.430.576.739
Khấu hao trong năm	3.103.392.678	15.398.843.874	470.460.545	39.216.648	19.011.913.745
Tại ngày 30/06/2026	63.257.204.075	177.429.874.232	2.186.328.472	569.083.705	243.442.490.484
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/07/2025	50.238.994.102	132.378.908.767	599.983.643	139.583.078	183.357.469.590
Tại ngày 30/06/2026	47.135.601.424	137.294.723.739	3.931.203.097	139.266.430	188.500.794.690

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 100.004.330.474 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 121.677.473.411 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/07/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	33.888.084.852	33.888.084.852	142.286.168	142.286.168
Phải trả người bán:				
Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	-	-	13.017.900.000	13.017.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nông nghiệp Tiến Nông	-	-	12.024.100.000	12.024.100.000
Các đối tượng khác (*)	48.988.883.623	48.988.883.623	7.889.654.789	7.889.654.789
Cộng	82.876.968.475	82.876.968.475	33.073.940.957	33.073.940.957

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2026	Trong năm	Tại ngày 01/07/2025
	VND	VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	14.213.773.974	35.972.944.248	3.334.635.660
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	73.836.741	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	208.795.691	653.738.765	467.199.827
Thuế thu nhập cá nhân	31.751.846	228.493.659	15.478.556
Thuế tài nguyên	40.481.255	162.884.208	16.850.000
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	248.756.576	774.180.151	497.513.152
Các loại thuế khác	9.992.805	213.710.029	-
Cộng	14.753.552.147	38.079.787.801	4.331.677.195

(Xem tiếp trang sau)

4.10. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/07/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	219.301.984.758	219.301.984.758	252.574.532.314	251.766.380.402	218.493.832.846	218.493.832.846
Vay dài hạn đến hạn trả	18.828.000.000	18.828.000.000	14.828.000.000	9.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	238.129.984.758	238.129.984.758	267.402.532.314	260.766.380.402	231.493.832.846	231.493.832.846
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	18.828.000.000	18.828.000.000	-	9.000.000.000	27.828.000.000	27.828.000.000
Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả	(18.828.000.000)	(18.828.000.000)	(14.828.000.000)	(9.000.000.000)	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
Cộng	-	-	(14.828.000.000)	-	14.828.000.000	14.828.000.000
Tổng cộng	238.129.984.758	238.129.984.758	252.574.532.314	260.766.380.402	246.321.832.846	246.321.832.846

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 220 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, chịu lãi suất từ 7,1%/năm đến 9,8%/năm và dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị với giá trị còn lại là 100.004.330.474 VND – Xem thêm Mục 4.7;
- Quyền sử dụng đất tại thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngok Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam;
- Quyền sử dụng đất tại Khu dân cư Hòa Thọ, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;
- Hàng tồn kho và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay;
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2024/666424/HĐG ngày 13/05/2025 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Khoản vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 80 tỷ VND, có thời hạn còn lại 1 năm, chịu lãi suất 9%/năm và dùng để đầu tư nâng công suất nhà máy đường của Công ty. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay là dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng sửa chữa tài sản cố định
Dự phòng quỹ tiền lương

Cộng

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND
	7.179.829.660	8.000.000.000
	308.275.993	2.859.000.000
	7.488.105.653	10.859.000.000

(Xem tiếp trang sau)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/07/2024	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	7.900.792.917	147.922.922.352	227.807.743.962
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	34.095.739.507	34.095.739.507
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2023-2024	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư vùng nguyên liệu	-	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Chia cổ tức năm 2023-2024	-	-	-	-	(5.070.000.000)	(5.070.000.000)
Tăng khác	-	-	-	2.470.000	20.538.316	23.008.316
Tại ngày 01/07/2025	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	8.903.262.917	174.969.200.175	255.856.491.785
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	5.570.055.640	5.570.055.640
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2024-2025 (*)	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Chia cổ tức năm 2024-2025 (*)	-	-	-	-	(2.535.000.000)	(2.535.000.000)
Tại ngày 30/06/2026	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	8.903.262.917	176.504.255.815	257.391.547.425

(*) Việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức năm tài chính 2024 – 2025 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2025 ngày 03/10/2025.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND
Vốn góp của Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Vốn góp của Bà Đặng Thị Thu Hằng	5.000.000.000	-
Vốn góp của Ông Nguyễn Tất Đạt	109.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	37.986.000.000	39.507.000.000
Cộng	50.700.000.000	50.700.000.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/07/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.070.000	5.070.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

4.12.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	5.570.055.640	34.095.739.507
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.500.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.570.055.640	32.595.739.507
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.070.000	5.070.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.099	6.429

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu “Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu” có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)			
4.12.5. Cổ tức			
		Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm		-	-
Cổ tức phải trả		2.535.000.000	5.070.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông		(2.535.000.000)	(5.070.000.000)
Số dư cuối năm		-	-
4.12.6. Các quỹ của doanh nghiệp			
		Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/07/2025		18.674.216.181	8.903.262.917
Trích lập trong năm		-	-
Tại ngày 30/06/2026		18.674.216.181	8.903.262.917
4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán			
	ĐVT	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/07/2025
Hàng hoá nhận ký gửi, giữ hộ:			
Đường thành phẩm	Tấn	12.994,10	3.340,52
Mật rỉ	Tấn	898,63	1.620,23
		Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:			
Các nông dân trồng mía – Xóa nợ do các công nợ này không còn khả năng thu hồi		12.459.952.254	12.459.952.254
(Xem tiếp trang sau)			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)		
5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đường	538.098.671.988	268.210.146.664
Doanh thu bán mật rỉ	28.467.342.592	32.469.571.428
Doanh thu bán phân bón, thuốc trừ sâu	8.447.094.851	31.128.477.422
Doanh thu khác	5.139.384.502	9.194.357.832
Cộng (*)	580.152.493.933	341.002.553.346
(*) Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8		
	566.522.901.939	258.849.583.118
Mục 1.5 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân doanh thu tăng đáng kể so với năm trước.		
5.2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	500.465.103.978	211.309.647.405
Giá vốn mật rỉ	27.964.263.160	31.350.321.776
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu	7.485.506.266	29.150.597.006
Giá vốn khác	148.813.005	275.163.940
Cộng	536.063.686.409	272.085.730.127
Giá vốn hàng bán tăng cùng chiều với doanh thu trong năm.		
5.3. Chi phí tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	18.782.353.233	18.558.374.051
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng	804.386.303	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	6.635.188	26.980.841
Cộng	19.593.374.724	18.585.354.892
(Xem tiếp trang sau)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	235.000.652	225.371.150
Chi phí vận chuyển	5.918.845.509	5.086.098.027
Chi phí thuê kho	2.583.321.408	1.186.323.848
Chi phí bốc xếp	1.173.171.265	933.172.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.642.184	104.642.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.168.684.344	322.726.029
Chi phí bằng tiền khác	141.982.835	289.552.372
Cộng	11.325.648.197	8.147.886.546

Chi phí bán hàng tăng đáng kể chủ yếu do chi phí thuê kho, vận chuyển và dịch vụ mua ngoài tăng. Nguyên nhân do Công ty mở rộng thuê kho để lưu trữ đường thành phẩm và phát sinh thêm nhiều chi phí vận chuyển, xúc, san gạt bã mía do lượng bã mía, bã bùn tồn đọng tăng, trong khi tốc độ tiêu thụ các phụ phẩm này giảm so với năm trước do nhu cầu thị trường giảm.

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.094.103.795	5.571.670.711
Chi phí vật liệu quản lý	15.806.480	3.056.194
Chi phí đồ dùng văn phòng	149.888.547	199.702.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	502.065.388	477.759.532
Thuế, phí và lệ phí	14.801.212	15.371.962
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	693.782.278	25.034.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.957.554	24.693.021
Chi phí tiền thuê đất	275.421.671	248.756.576
Chi phí bằng tiền khác	1.335.186.169	1.726.756.184
Cộng	6.164.013.094	8.292.801.286

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay giảm đáng kể chủ yếu do chi phí nhân viên quản lý giảm, nguyên nhân do chi phí dự phòng tiền lương chờ việc phải trả thấp hơn năm trước.

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	321.692.227.932	314.815.076.841
Chi phí nhân công	20.632.932.245	21.808.353.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.904.426.085	17.216.461.463
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	693.782.278	25.034.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.887.314.864	22.384.924.422
Chi phí bằng tiền khác	3.188.766.118	3.479.367.478
Cộng	394.999.449.522	379.729.218.432

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	5.965.390.269	34.824.453.494
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.930.262.553	2.179.485.587
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	8.895.652.822	37.003.939.081
Thu nhập từ sản xuất đường được miễn thuế	6.918.979.677	33.360.369.147
Thu nhập chịu thuế khác	1.976.673.145	3.643.569.934
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	395.334.629	728.713.987
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	395.334.629	728.713.987

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định;
- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	252.574.532.314	295.512.168.251

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(260.766.380.402)	(281.769.566.387)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không có báo cáo bộ phận vì theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là từ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đường và sản phẩm liên quan đến hoạt động kinh doanh đường mía. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Quảng Ngãi. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế.

Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không thuyết minh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý thành một khoản mục riêng biệt.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	Bà Tạ Ngọc Hương – vợ ông Trần Ngọc Hiếu (Chủ tịch HĐQT Công ty) là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt
3. Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
4. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
5. Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
6. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
7. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
8. Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
9. Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	157.000.000.000	799.450.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	61.753.730.000	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	25.825.733.250	5.008.500
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	12.765.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	8.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	26.397.846	127.840.140
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	265.470.861.096	932.298.640

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	32.070.025.083	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.817.413.929	30.146.688
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	645.840	112.139.480
Cộng – Xem thêm Mục 4.8	33.888.084.852	142.286.168

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND
Phải trả khác về lãi ứng trước tiền hàng:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	53.794.521	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	303.425.925.927	122.171.428.571
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	145.370.370.370	19.393.110.714
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	57.179.379.629	66.993.380.953
Công ty TNHH Kim Hà Việt	39.203.339.119	45.997.692.380
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	21.319.444.444	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	24.442.450	4.293.970.500
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	566.522.901.939	258.849.583.118

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	34.044.492.912	613.979.768
Công ty TNHH Kim Hà Việt	10.938.588.871	3.268.414.488
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	80.091.000	178.835.000
Cộng	45.063.172.783	4.061.229.256

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi ứng trước tiền hàng phải trả trong năm:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	804.386.303	-
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chia cổ tức:		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	380.250.000	760.500.000
Bà Đặng Thị Thu Hằng	250.000.000	-
Ông Trần Ngọc Hiếu	37.264.500	74.529.000
Ông Nguyễn Đức Cần	50.000	100.000
Cộng	667.564.500	835.129.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt khác của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)	158.300.000	96.000.000
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 03/10/2025)	46.500.000	180.000.000
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 03/10/2025)	443.412.000	372.312.000
Bà Huỳnh Lệ Thanh	Thành viên độc lập HĐQT (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)	71.200.000	-
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 03/10/2025)	24.800.000	123.584.000
Ông Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc	132.024.571	134.256.000
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/02/2026)	99.762.404	174.835.219
Bà Trần Thị Bích Nhi	Trưởng Ban kiểm soát	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	186.733.133	187.734.858
Bà Võ Thị Ái Thùy	Kế toán trưởng	139.057.833	127.427.315
Cộng		1.445.789.941	1.365.314.173

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm trước VND (Được báo cáo lại)	Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.429	6.725
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.429	6.725

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được báo cáo lại do Công ty thực hiện điều chỉnh số chưa trích trong báo cáo trước đây (do chưa có căn cứ) theo số thực trích được phê duyệt trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 03 tháng 10 năm 2025.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 30/06/2026 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 09 năm 2026

Người lập

Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025 - 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 10 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN NGỌC HIẾU